TỔNG CÔNG TY THUỐC LÁ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN NGÂN SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 154/BC-NST

Bắc Ninh, ngày 17 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quy chế công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty Cổ phần Ngân Sơn lập báo cáo thường niên năm 2019 với những nội dung như sau:

Tổ chức niêm yết: CÔNG TY CỔ PHẦN NGÂN SƠN
Năm báo cáo: 2019

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG

I. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Ngân Sơn**
- Giấy đăng ký kinh doanh số: 0100100199 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 8 năm 2005, cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 15/5/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp.
- Vốn điều lệ: 112.020.030.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12/2019): 180.464.732.600 đồng
- Địa chỉ: Số 01 – Đường TS1 – Khu Công nghiệp Tiên Sơn – Tỉnh Bắc Ninh
- Số điện thoại: 0222 6263 679
- Số fax: 0222 6263 686
- Website: www.nganson.vn - Email : nganson@nganson.vn
- Mã cổ phiếu: NST

II. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Ngân Sơn, tiền thân là Công ty nguyên liệu thuốc lá Bắc, là đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty thuốc lá Việt nam (Vinataba), được thành lập theo quyết định số 1738/QĐ-TCCB ngày 13/5/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất chế biến, kinh doanh và xuất khẩu nguyên liệu thuốc lá. Vốn điều lệ đến ngày 31/12/2019: 112.020.030.000 đồng. Ngày 29/12/2006, Công ty chính thức niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà nội (nay là Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

III. Ngành nghề và địa điểm kinh doanh

1. Ngành nghề kinh doanh

- Trồng trọt, thu mua, sơ chế tách cọng, chế biến sợi thuốc lá, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp;

Signature Not Verified
Ký bởi: NGUYỄN ĐĂNG TRƯỜNG
Ký ngày: 17/3/2020 12:16:38

- Kinh doanh thuốc lá bao, nguyên liệu, phụ liệu phục vụ cho ngành thuốc lá; Xuất nhập khẩu các mặt hàng nông, thủy, hải sản và hàng tiêu dùng.
- Sản xuất và mua bán vật tư nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật và nguyên liệu làm thuốc) và các sản phẩm nhựa;
- Kinh doanh kho bãi, kinh doanh dịch vụ kho vận, kho ngoại quan;
- Kinh doanh các dịch vụ: ăn uống, nhà hàng, lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh phòng hát, karaoke, vũ trường, quán bar).
- Sản xuất, mua bán rượu, bia, nước giải khát (không bao gồm kinh doanh quán bar).
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng và theo tuyến cố định.
- Gia công, chế tạo, mua bán các sản phẩm cơ khí; Mua bán các thiết bị máy, phụ tùng.
- Ươm, nuôi trồng, mua bán hoa, cây cảnh, cây ăn quả, cây bóng mát, cây công nghiệp, cây giống, dịch vụ bảo vệ thực vật.
- Chăn nuôi, mua bán, xuất khẩu vật nuôi lâm sản (trừ loại lâm sản Nhà nước cấm).

2. Địa điểm kinh doanh

- Các tỉnh thành trong cả nước.
- Thị trường Trung Quốc, Anh, Bungari, Thụy Sỹ,...

3. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Công ty Cổ phần Ngân Sơn được tổ chức và điều hành theo mô hình công ty cổ phần, tuân theo các quy định của Luật doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản pháp luật hiện hành.

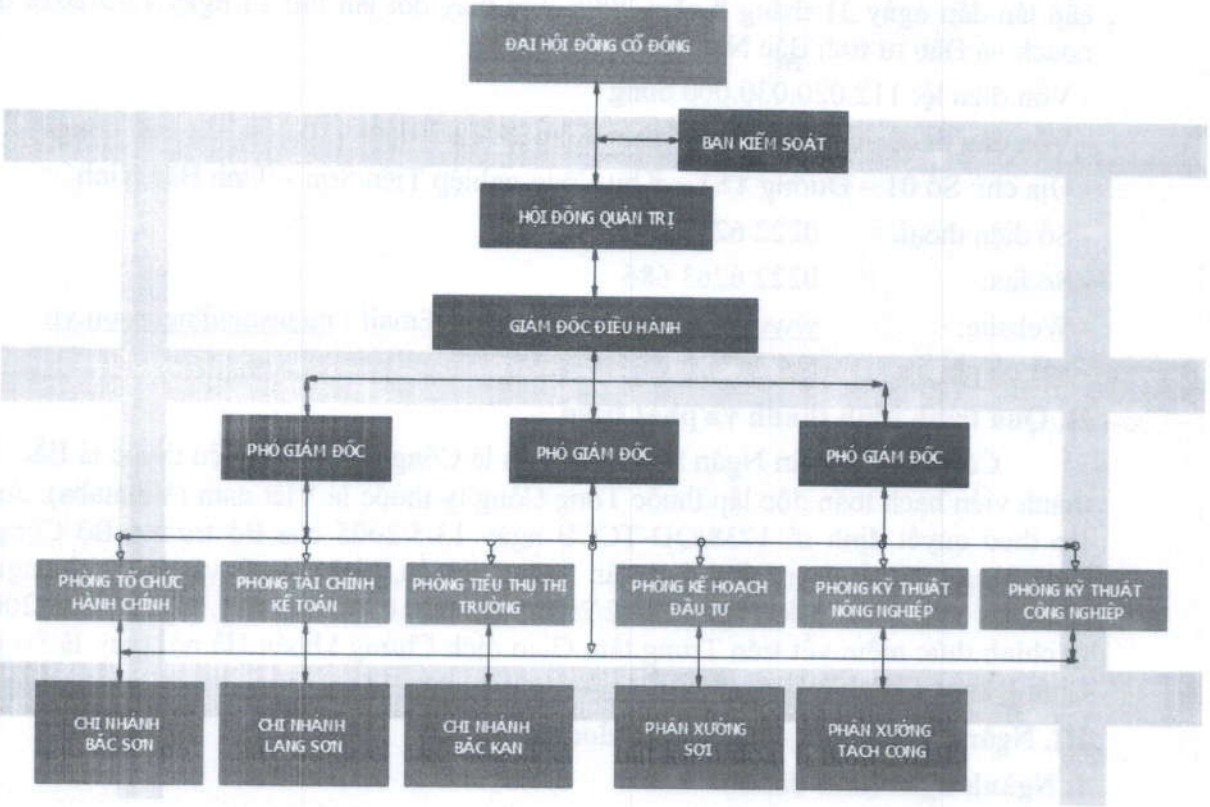

4. Định hướng phát triển của Công ty năm 2019

Dựa trên các yếu tố đánh giá, cũng như thuận lợi, khó khăn, nguồn lực hiện có của Công ty, Công ty xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 với một số các chỉ tiêu chính như sau:

- Doanh thu: 700.000 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 16.700 triệu đồng
- Tỷ lệ cổ tức: 10%

PHẦN II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANHNĂM 2019

I. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	NQ Đại hội đồng cổ đông	Thực hiện	So sánh TH/NQ (%)
1	Doanh thu thuần	Tr.đồng	700.000	1.015.623	145
2	Lợi nhuận trước thuế	nt	16.700	18.549	111
3	Nộp Ngân sách	nt	-	7.995	-
4	Tỷ lệ cổ tức dự kiến	%	10%	9%	90

II. Công tác nhân sự

Cùng với sự phát triển của Công ty, công tác nhân sự cũng có nhiều thay đổi trong cơ cấu quản lý đảm bảo bộ máy tinh gọn, hiệu quả và hoạt động phù hợp với định hướng tầm nhìn chiến lược của Công ty, cụ thể:

**** Cơ cấu, chất lượng đội ngũ Cán bộ quản lý Công ty***

- Về cơ cấu lao động:

+ Độ tuổi ≥ 50: 5/36 ≈ 13,9%

+ Độ tuổi 40 - dưới 50: 21/36 ≈ 58,3%

+ Độ tuổi < 40: 10/36 ≈ 27,8%

+ Tỷ lệ cán bộ nữ: 8/36 ≈ 22,2%

+ Tỷ lệ đảng viên: 36/36 đạt 100%

+ Trình độ học vấn: Trên đại học: 11/36 chiếm 30,6%

Đại học, Cao đẳng: 25/36 chiếm 69,4%

**** Chất lượng lao động toàn công ty***

+ Tổng số lao động có hợp đồng từ 1 năm trở lên tính đến ngày 5/12/2019 là **390 người** (nữ 122/390 ≈ 31,3%)

+ Độ tuổi bình quân:

Dưới 40 tuổi: 275 người ≈ 70,5%

Từ 40 + 50 tuổi: 99 người ≈ 23,3%

Trên ≥ 50 tuổi: 24 người ≈ 6,2%

+ Trình độ học vấn:

Trên Đại học: 12 người ≈ 3,1%

Đại học, Cao đẳng: 143 người ≈ 36,7%

Trung cấp: 82 người ≈ 21,0%

Công nhân kỹ thuật, LĐ phổ thông: 153 người ≈ 39,2%

*** Tóm tắt lý lịch của các Ông (Bà) trong Bộ máy quản lý điều hành:**

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Giới tính	Năm sinh	Quốc tịch	Địa chỉ thường trú	Trình độ
1	Nguyễn Nam Giang	Chủ tịch HĐQT	Nam	20/10/1975	Việt Nam	Tổ 16, phường Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	Thạc sỹ QTKD
2	Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên HĐQT Giám đốc Cty	Nam	27/6/1973	Việt Nam	Dốc Bạc, Thụy Phương, Từ Liêm, Hà Nội	Thạc sỹ kinh tế
3	Nguyễn Đức Thanh	Ủy viên HĐQT	Nam	13/04/1964	Việt Nam	Nhà 4B, KTT Xăng dầu, Ngõ 8, Nguyễn Khuyến, Hà Đông, Hà Nội	Thạc sỹ QTKD, Kỹ sư tự động hóa
4	Đỗ Điệp Anh	Ủy viên HĐQT	Nam	20/08/1974	Việt Nam	46 Tổ 58 Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	Kỹ sư kinh tế vận tải
5	Nguyễn Chí Thanh	Ủy viên HĐQT Phó Giám đốc	Nam	06/12/1974	Việt Nam	4A Lê Thánh Tông, Hà Nội	Thạc sỹ
6	Nguyễn Đình Trường (Hết nhiện kỳ theo NQ 319/NQ+NSC)	Ủy viên HĐQT	Nam	02/11/1959	Việt Nam	Số 6, Ngõ 60, Yên Lạc, HN	Thạc sỹ
7	Trần Đình Thanh	Phó Giám đốc	Nam	27/7/1960	Việt Nam	Số 4, ngõ 463/28/9 Đội Cấn, Ba Đình , Hà Nội	Kỹ sư chế tạo máy
8	Trần Đăng Tuyết	Phó Giám đốc	Nam	22/02/1964	Việt Nam	Số 85, ngõ 190, Tổ 1, Nguyễn Trãi, Q.Thanh Xuân, Hà Nội	Thạc sỹ

**** Đánh giá chung về công tác quản lý nhân sự:***

+ Bộ máy quản lý điều hành Công ty là xương sống, là động lực quyết định về mọi hoạt động của Công ty do đó Công ty luôn trú trọng đến công tác quản lý nhân sự, cán bộ quản lý Công ty luôn chủ động sáng tạo, đổi mới tư duy làm việc, sử dụng nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu thực tế. Chủ động đưa ra những phương án sử dụng nguồn nhân lực

một cách hiệu quả nhất, tránh thụ động trong việc bổ sung, thay thế, luân chuyển CBCNV trong toàn Công ty.

+ Trong công tác quản lý nhân sự, Công ty luôn thực hiện việc phân cấp quản lý, giao quyền chủ động và trách nhiệm cho thủ trưởng các đơn vị trong lĩnh vực huy động nguồn lực tạm thời trong năm sản xuất kinh doanh. Tạo điều kiện cho các đơn vị triển khai hiệu quả nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của đơn vị mình nói riêng và toàn Công ty nói chung. Các đơn vị chủ động quan hệ với các cơ quan công quyền, cơ quan chức năng và các tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội phù hợp tương ứng để duy trì hoạt động hệ thống của đơn vị theo quy chế của Công ty.

Công ty tiếp tục thực hiện công tác sắp xếp bố trí lao động theo định hướng Chiến lược và kế hoạch SXKD của Công ty. Tổng số lao động của Công ty năm 2019 có hợp đồng 1 năm trở lên nhìn chung ổn định với 390 lao động, thu nhập bình quân đạt 11,2 tr.đ/ng/tháng, bằng 128,7% so kế hoạch năm 2019 và bằng 136,6% so CKNT.

- Số lao động tuyển dụng của toàn Công ty tính đến tháng 04/12/2019 là 45 lao động, tương ứng số lượng trình độ lao động tuyển dụng tại các khối như sau:

Số lượng và trình độ lao động tuyển dụng tại các khối trong 2019

TT	Khối	Trình độ					Tổng
		ĐH, trên ĐH	Cao đẳng	Trung cấp	Bằng nghề	LĐPT	
1	**Sản xuất công nghiệp**	02	06	05	03	14	**30**
-	Phân xưởng tách cọng		02	04	01	07	14
-	Phân xưởng sợi	02	04	01	02	07	16
2	**Sản xuất nông nghiệp**	04		01			**05**
-	Chi nhánh Bắc Kạn	02					02
-	Chi nhánh Bắc Sơn	02					02
-	Chi nhánh Lạng Sơn			01			01
3	**Văn phòng**	06	02			02	**10**
	Tổng	**12**	**8**	**6**	**3**	**16**	**45**

Trong đó tỷ lệ trình độ lao động tuyển mới, cụ thể như sau:

+ Trình độ Đại học chiếm: 12/45 ≈ 27%
+ Trình độ Cao đẳng chiếm: 8/45 ≈ 18%
+ Trình độ Trung cấp chiếm: 6/45 ≈ 13%
+ Trình độ Bằng nghề chiếm: 3/45 ≈ 7%
+ Lao động phổ thông chiếm: 16/45 ≈ 36%

Lao động tuyển dụng đảm bảo theo kế hoạch lao động và phù hợp yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Khối Sản xuất công nghiệp tuyển dụng tổng 30 lao động, trong đó 16 lao động phân xưởng sợi và 14 lao động phân xưởng tách cọng. Trong đó 30 lao động mới tuyển dụng mới có 02 lao động trình độ Đại học, 06 lao động trình độ Cao đẳng, 05 lao động trình độ Trung cấp, 03 lao động có Bằng nghề, còn lại 08 lao động phổ thông. Các lao động có bằng nghề trở lên đều có chuyên ngành điện, hàn, cơ khí, tiện,… Các lao động này đều đáp ứng được yêu cầu công việc và phát huy tốt ở vị trí công việc được giao.

- Khối Sản xuất nông nghiệp tuyển dụng mới 05 lao động, trong đó 04 lao động có trình độ Đại học chuyên ngành nông nghiệp, 01 lao động trình độ trung cấp.

- Khối Văn phòng tuyển dụng mới 10 lao động, trong đó 06 lao động có trình độ trên Đại học và Đại học các chuyên ngành, 02 lao động trình độ Cao đẳng, 02 lao động phổ thông, bố trí phù hợp với công việc được bố trí.

- Tuy nhiên trong năm 2019 đã có 24 lao động chấm dứt HĐLĐ với số tiền trợ cấp là: 87.506.067 đồng.

Trong đó tỷ lệ trình độ lao động chấm dứt, cụ thể như sau:

+ Trình độ đại học, cao đẳng: 6/24 = 25,0%.
+ Trình độ trung cấp: 12/24 = 50,0%
+ Công nhân, LĐPT: 6/24 = 25,0%

- Số lượng và trình độ lao động toàn Công ty tính đến 05/12/2019 là 390 người, tương ứng tại các khối như sau:

Số lượng và trình độ lao động tại các khối năm 2019

STT	Nội dung	Khối VP	Khối SXNN	Khối SXCN	Tổng
1	Thạc sỹ	09	02	01	12
2	Đại học	59	41	15	115
3	Cao đẳng	06	06	16	28
4	Trung cấp	12	11	26	49
5	Bằng nghề	03	02	35	40
6	LĐPT	31	18	97	146
	TỔNG	**120**	**80**	**190**	**390**

a) Về công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của Công ty

Trong năm 2019 đã tổ chức 20 lớp đào tạo, có 12 lớp tổ chức tại Công ty và 08 lớp gửi học viên đi đào tạo ở bên ngoài. Số lượt học viên được đào tạo là 1.155 học viên với kinh phí 446 triệu đồng.

Các lớp đào tạo được tổ chức dựa trên kế hoạch đào tạo đầu năm. Các nội dung đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn của người lao động, góp phần vào hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Lĩnh vực đào tạo tập trung vào công tác An toàn vệ sinh lao động; đào tạo chuyên môn về sản xuất thuốc lá; tập huấn liên quan chế độ chính sách BHXH, BHYT, thuế, nghiệp vụ xuất nhập khẩu, hải quan, quản lý kho bãi.... Kết quả đào tạo góp phần thay đổi tư duy của người lao động với vị trí công việc hiện tại và tương lai, giúp công việc được thực hiện nhanh chóng, hiệu quả, chính xác. Cụ thể:

+ Đào tạo nguồn lao động giỏi về chuyên môn, có khả năng hoạt động độc lập hoặc theo nhóm đáp ứng yêu cầu công việc;

+ Đào tạo nâng cao trình độ cho các đối tượng lao động không có bằng cấp hoặc bằng cấp chưa phù hợp với vị trí công việc đảm nhiệm;

+ Chú trọng công tác tự đào tạo trong Công ty để đáp ứng nhu cầu đào tạo công việc cụ thể tại vị trí công việc;

Các kết quả trên tuy còn khiêm tốn nhưng bước đầu đã góp phần thay đổi tư duy quản trị, nâng cao chất lượng lao động, gắn kết các cá nhân cùng nhau hoàn thành các kế hoạch Công ty giao trong năm 2019.

b) Công tác lao động tiền lương và đảm bảo chế độ chính sách

Căn cứ nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ, Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Quy chế

tiền lương, tiền thưởng các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019, Công ty xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch quỹ tiền lương của người lao động và người quản lý công ty theo quy định.

Trên cơ sơ quỹ tiền lương kế hoạch được phê duyệt, Công ty thực hiện phân phối quỹ lương cho các đơn vị bộ phận dựa trên các chỉ tiêu diện tích đầu tư, sản lượng thu mua, sản lượng chế biến...để giao đơn giá cho từng đơn vị bộ phận. Trong quá trình thực hiện định kỳ rà soát, đánh giá và điều chỉnh cho phù hợp. Thực hiện quyết toán quỹ lương cho các đơn vị theo giai đoạn và theo năm tài chính.

Thực hiện nâng bậc, chuyển ngạch lương cho người lao động theo định kỳ hàng năm.

Áp dụng chính thức phần mềm chấm công mới, tính công chuyên nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả, độ chính xác và rút ngắn thời gian tổng hợp công cũng như không tăng lao động của phòng.

Thực hiện đầy đủ các chế độ về bảo hiểm cho người lao động. Thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định. Ngoài ra còn đảm bảo các chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, hưu trí.... Phát thẻ, đổi thẻ khám chữa bệnh của CBCNV đúng theo quy định, không để xảy ra sai sót nhầm lẫn. Vận động 100% CBCNV Công ty mua bảo hiểm thân thể nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

Hoàn thành chuyển nơi đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động tại cơ quan bảo hiểm Sóc Sơn sang cơ quan bảo hiểm xã hội huyện Tiên Du (nơi đặt trụ sở chính của Công ty) theo quy định.

- Công tác BHXH: hoàn thành công tác rà soát đối chiếu và hoàn thành việc trả sổ bảo hiểm cho tất cả người lao động tại Công ty.

- Thực hiện chế độ chính sách: thanh toán đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội cho 59 lượt lao động với tổng số tiền đã thanh toán là 224 triệu đồng.

c) Công tác ATVSLĐ, PCCN và một số công tác khác

+ Xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị về an toàn, vệ sinh lao động, trong năm không xảy ra mất an toàn lao động;

+ Hoàn thành xây dựng hệ thống quy định, quy trình về an toàn, vệ sinh lao động của Công ty gồm 36 tài liệu đã được Giám đốc Công ty ký, ban hành áp dụng. Các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động được cụ thể hóa vào tài liệu của Công ty.

+ Tổ chức chương trình đào tạo áp dụng tài liệu an toàn, vệ sinh lao động từ ngày 06/9/2019 đến 02/11/2019, tổng số 06 lớp, 370 CBCNV Công ty đã được đào tạo. Chương trình đào tạo đã hoàn thành sớm trước 15 ngày so với kế hoạch; đạt được mục tiêu là phổ biến hệ thống tài liệu an toàn, vệ sinh lao động của Công ty đã ban hành, hướng dẫn CBCNV áp dụng tài liệu;

+ Tuyên truyền, cảnh báo nâng cao nhận thức, ý thức của CBCNV, về AT,VSLĐ, tổng số đã lắp đặt 405 biển cảnh báo an toàn cỡ nhỏ và 6 khẩu hiệu cỡ lớn tuyên truyền về an toàn tại Phân xưởng tách cọng và Phân xưởng sợi.

+ Chế độ chính sách cho CBCNV về an toàn, vệ sinh lao động được thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật.

- Xây dựng đề cương thực hiện công tác phổ biến pháp luật, các quy chế quy định cho người lao động, cụ thể: Luật phòng chống tham nhũng; Điều lệ Công ty; Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế dân chủ tại cơ sở;

- Phối hợp với Thư ký Hội đồng quản trị sửa đổi Điều lệ, xây dựng Quy chế Quản trị nội bộ của Công ty trình Đại hội đồng cổ đông năm 2019 thông qua.

- Lập hồ sơ gửi Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Bắc Ninh đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện mua bán nguyên liệu thuốc lá và được cấp ngày 03/7/2019; Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trồng cây thuốc lá cấp ngày 24/7/2019;

- Đảm bảo môi trường và cảnh quan sáng - xanh - sạch - đẹp chú trọng, giúp bảo vệ sức khỏe và nâng cao hiệu quả công việc cho CBCNV.

- Thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng, công tác tiết kiệm, chống lãng phí theo bản đăng ký cá nhân và tập thể.

- Duy trì và thực hiện nghiêm túc hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn 9001+2008 và 14001+2004.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động trong toàn Công ty.

- Phối hợp chặt chẽ và tiếp thu cầu thị các ý kiến phản hồi qua tổ chức Công đoàn và các vấn đề liên quan về nghiệp vụ.

III. Tình hình tài chính

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2018	31/12/2019	So sánh (%) 2019/2018
1	**Tổng tài sản , nguồn vốn**	**405,512,821,148**	**535,471,116,907**	**132.0**
2	**Các khoản phải thu (ngắn hạn + dài hạn)**	**77,080,328,325**	**246,083,875,487**	**319.3**
	Trong đó: - Phải thu khách hàng	74,739,122,982	239,422,182,014	320.3
	- Phải thu khác	*2,341,205,343*	*6,661,693,473*	284.5
3	**Các khoản phải trả (ngắn hạn + dài hạn)**	**227,402,734,526**	**355,006,384,307**	**156.1**
	Trong đó: - Nợ vay	158,706,457,212	278,892,868,585	175.7
4	**Hàng tồn kho**	**155,161,789,176**	**130,074,646,435**	**83.8**
	Trong đó: Kém mất phẩm chất			
5	**Nguồn vốn chủ sở hữu**	**178,110,086,622**	**180,464,732,600**	**101.3**
	Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	112,020,030,000	112,020,030,000	100.0
6	**Tổng doanh thu thuần + tài chính + thu nhập khác**	**616,832,072,643**	**1,018,048,167,727**	**165.0**
	Trong đó: Doanh thu thuốc lá, bánh kẹo			
7	**Lợi nhuận trước thuế**	**16,053,620,594**	**18,549,835,847**	**115.5**
8	**Các chỉ số tài chính**			
9	**Bố trí Cơ cấu tài sản**			
	Tài sản cố định / Tổng tài sản	35.83%	26.14%	72.9

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2018	31/12/2019	So sánh (%) 2019/2018
	Tài sản lưu động / Tổng tài sản	64.17%	73.86%	115.1
10	**Bố trí Cơ cấu nguồn vốn**			
	Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	56.08%	66.30%	118.2
	Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	43.92%	33.70%	76.7
11	**Khả năng thanh toán**			
	Khả năng thanh toán hiện hành	1.14	1.11	97.4
	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	3.38	1.61	47.6
	Khả năng thanh toán nhanh	1.36	1.08	79.1
12	**Các chỉ tiêu sinh lợi**			
	Tỉ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	2.62%	1.83%	69.6
	Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2.05%	1.45%	71.0
	Tỉ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bq	3.96%	3.94%	99.6
	Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bq	3.09%	3.14%	101.5
	Tỉ suất lợi nhuận trước thuế/Nguồn vốn CSH bq	9.01%	10.35%	114.8
	Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn CSH bq	7.03%	8.23%	117.0
13	**Các chỉ số khác**			
	Vòng quay hàng tồn kho	3.27	3.56	108.8
	Số ngày 1 vòng quay	*110.08*	*101.19*	91.9
	Vòng quay các khoản phải thu	7.94	6.29	79.2
	Kỳ thu tiền bình quân	*45.36*	*57.27*	126.3
	Vòng quay vốn lưu động	2.35	3.10	131.8
	Số ngày 1 vòng quay	*153.13*	*116.22*	75.9
	Vòng quay vốn kinh doanh	3.43	5.66	164.9
	Số ngày 1 vòng quay	*104.81*	*63.55*	60.6

IV. Cơ cấu cổ đông. thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

1. Cơ cấu cổ đông

1.1. Cổ đông trong nước:

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông trong nước đến 20/09/2019:

+ Cổ đông nhà nước: 6.463.589 cổ phần

+ Tổ chức, cá nhân trong nước: 3.737.375 cổ phần

+ Tổ chức, cá nhân nước ngoài: 1.001.039 cổ phần

- Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - cổ đông Nhà nước nắm giữ 6.463.589 cổ phiếu tương ứng với 64.635.890.000 đồng, chiếm 57,70 % vốn điều lệ.
- Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Thăng Long nắm giữ 722.640 cổ phiếu tương ứng với 7.226.400.000 đồng, chiếm 6,45 % vốn điều lệ.
- Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Sài Gòn nắm giữ 681.346 cổ phiếu tương ứng với 6.813.460.000 đồng, chiếm 6,08 % vốn điều lệ.
- Công ty TNHH Một thành viên Viện Thuốc lá nắm giữ 566.101 cổ phiếu tương ứng với 5.661.010.000 đồng, chiếm 5,05 % vốn điều lệ.
- Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Thanh Hóa nắm giữ 436.468 cổ phiếu tương ứng với 4.364.680.000 đồng, chiếm 3,9 % vốn điều lệ.
- Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Bắc Sơn nắm 25.902 cổ phiếu tương ứng với 259.020.000 đồng, chiếm 0,23% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 2.305.957 cổ phần tương ứng với 23.059.570.000 đồng, chiếm 20,59% vốn điều lệ.

1.2. Cổ đông nước ngoài:

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông nước ngoài đến hết 20/09/2019:

+ Cổ đông tổ chức: 735.300 cổ phần;

+ Cổ đông cá nhân: 265.739 cổ phần.

- Tổng số lượng nắm giữ của cổ đông nước ngoài: 1.001.039 cổ phần, chiếm 8,94% vốn điều lệ Công ty.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT đến 31/12/2019:

Ông Nguyễn Nam Giang: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Số lượng cổ phần nắm giữ: 3.444.616 cổ phần
Trong đó: Sở hữu nhà nước: 3.444.616 cổ phần
(Đại diện phần vốn nhà nước của Tổng công ty thuốc lá Việt Nam)
Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
Tỷ lệ nắm giữ: 30,75%

Ông Nguyễn Chí Thanh : Ủy viên Hội đồng quản trị
Số lượng nắm giữ: 781.829 cổ phần
Trong đó: Sở hữu nhà nước: 778.539 *cổ phần*
Sở hữu cá nhân: 3.290 cổ phần
Tỷ lệ nắm giữ: 6,95%

Ông Đỗ Điệp Anh: Ủy viên Hội đồng quản trị
Số lượng nắm giữ: 722.640 cổ phần
Trong đó: Sở hưu tập thể: 722.640 cổ phần
(Đại diện cho Công ty TNHH 1 thành viên Thuốc lá Thăng Long)
Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
Tỷ lệ nắm giữ: 6,45%

Ông Nguyễn Anh Tuấn: Ủy viên Hội đồng quản trị
Số lượng nắm giữ: 1.130.104 cổ phần

Trong đó: Sở hữu Nhà nước: 1.120.200 cổ phần
(Đại diện phần vốn nhà nước của Tổng công ty thuốc lá Việt Nam)
Sở hữu cá nhân: 9.904 cổ phần
Tỷ lệ nắm giữ: 10,09%

Ông Nguyễn Đức Thanh: Ủy viên Hội đồng quản trị
Số lượng nắm giữ: 1.120.200 cổ phần
Trong đó: Sở hữu Nhà nước: 1.120.200 cổ phần
(Đại diện phần vốn nhà nước của Tổng công ty thuốc lá Việt Nam)
Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
Tỷ lệ: 10%

PHẦN III. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2019

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019

Năm 2019, sự phối hợp giữa HĐQT và Ban điều hành được thể hiện chặt chẽ, thường xuyên, tích cực chủ động phân tích dự báo tình hình, nhận định đánh giá các yếu tố liên quan, có tác động đến hoạt động SXKD của Công ty. Hội đồng quản trị sớm thống nhất quan điểm và đưa ra các quyết sách định hướng đúng đắn, làm cơ sở cho Ban điều hành tổ chức triển khai, kinh doanh và nỗ lực cố gắng cao nhất đạt được mục tiêu kế hoạch.

Trong năm, Hội đồng quản trị đã tổ chức 1 phiên Đại hội đồng cổ đông, 4 phiên họp HĐQT thường kỳ và 1 phiên họp HĐQT bất thường và nhiều lần lấy ý kiến các Thành viên HĐQT bằng văn bản. Tại các phiên họp, HĐQT tập trung đánh giá kết quả SXKD từng giai đoạn, định hướng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch SXKD cho kỳ tiếp sau và cả năm.

Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019 được thể hiện cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết	Các nội dung chính của NQ
1	25/NQ-NSC ngày 09/01/2019	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh Quý IV và cả năm 2018
		Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý I năm 2019
		Thông qua chủ trương khung giá sơ chế tách cọng và khung giá gia công chế biến sợi nguyên liệu thuốc lá năm 2019
		Thông qua việc chi trả Quỹ thưởng Người quản lý Công ty năm 2017
	175/NQ-NSC ngày 13/03/2019	Thông qua ban hành Bộ định mức Kinh tế - Kỹ thuật năm 2019
		Thông qua khung giá và sản lượng mua nguyên liệu thuốc lá vụ Thu năm 2018
		Thông qua việc mua 01 xe ô tô mới phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty

STT	Số Nghị quyết	Các nội dung chính của NQ
2		Thông qua kế hoạch cử cán bộ quản lý các cấp của Công ty đi khảo sát và tìm hiểu thị trường thuốc lá tại Nhật Bản
		Thông qua việc quyết toán thực hiện quỹ lương năm 2018, kế hoạch quỹ lương năm 2019 của Người lao động Công ty và Người quản lý Công ty.
3	208b/NQ-NSC ngày 22/03/2019	Nghị quyết thực hiện quy trình bổ nhiệm lại chức danh Phó giám đốc Công ty.
4	242b/NQ-NSC ngày 03/04/2018	Nghị quyết thông qua chủ trương bổ nhiệm lại chức danh Phó giám đốc Công ty.
5	89/NQ-NSC ngày 12/04/2019	Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh Quý I năm 2019
		Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý II năm 2019
6	319/NQ-NSC ngày 24/4/2019 (ĐHĐCĐ thường niên 2019)	Thông qua báo cáo Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và các chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019
		Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán
		Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018
		Thông qua kết quả bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019 – 2024
7	395/NQ-NSC ngày 20/05/2019	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch giai đoạn 2019 - 2021 và giai đoạn 2021 - 2026
8	552/NQ-NSC ngày 24/07/2019	Thông qua chủ trương bổ nhiệm lại chức danh giám đốc Công ty
9	519/NQ-NSC ngày 30/07/2019	Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2019
		Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý III và ước 9 tháng đầu năm 2019
		Hội đồng quản trị thống nhất chủ trương sử dụng, thanh lý, trả lại đất, tài sản trên đất của Công ty
		Hội đồng quản trị thống nhất thông qua chủ trương tổ chức đoàn công tác đi khảo sát, tìm hiểu thị trường nguyên liệu thuốc lá tại Úc và New Zealand
10	656/NQ-NSC ngày 30/08/2019	Bổ nhiệm lại có thời hạn chức danh Giám đốc Công ty
11	675/NQ-NSC ngày 11/9/2019	Thông qua chủ trương bổ sung 01 Phó phòng Tiêu Thụ Thị trường

STT	Số Nghị quyết	Các nội dung chính của NQ
12	689/NQ-NSC ngày 23/09/2019	Thông qua ký hợp đồng vay vốn ngắn hạn lưu động ngân hàng năm 2019.
13	721/NQ-NSC ngày 09/10/2019	Thông qua diện tích, chính sách đầu tư nguyên liệu thuốc lá vụ Xuân 2020
14	774/NQ-NSC ngày 28/10/2019	Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm
		Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý IV và ước cả năm 2019
		Thông qua việc điều chỉnh tăng quỹ lương đã giao cho Công ty năm 2019
		Thông qua đề xuất chi thưởng Người quản lý Công ty năm 2018
15	925/NQ-NST ngày 23/12/2019	NQ phê duyệt quyết toán hoàn thành dự án kho thành phẩm lạnh
16	926/NQ-NST ngày 23/12/2019	NQ phê duyệt quyết toán hoàn thành dự án đầu tư xây dựng phân xưởng sợi
17	936/NQ-NST ngày 31/12/2019	NQ thông qua dự án sản xuất nguyên liệu thuốc lá chất lượng cao

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019

Mặc dù tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn, thách thức, các doanh nghiệp nói chung và Công ty gặp rất nhiều khó khăn ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động đầu tư SXKD và nhiều hoạt động khác. Nhưng HĐQT và Ban điều hành đã hợp tác chặt chẽ, toàn tâm, toàn ý với tinh thần trách nhiệm cao, đã có nhiều chủ trương định hướng đúng, nhiều giải pháp triển khai tích cực quyết liệt và linh hoạt trong quản lý điều hành SXKD trên tất cả các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, sản xuất công nghiệp, thương mại và một số hoạt động xã hội khác. Tích cực tìm hiểu và nhạy bén nắm bắt tình hình thị trường, khai thác nguồn và dự báo nhu cầu của khách hàng; Khắc phục nhược điểm, đổi mới cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm mới; tạo nhiều mối quan hệ tốt về đối nội, đối ngoại, khéo léo xử lý, giải quyết công nợ để giảm chi phí lãi vay, huy động kịp thời và sử dụng hiệu quả nguồn vốn, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí…nỗ lực phấn đấu thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch Đại hội cổ đông đã quyết nghị.

*** Kết quả sản xuất kinh doanh đã thực hiện trong năm 2019:**

Với những nỗ lực không ngừng của tập thể lãnh đạo và CBCNV Công ty cùng sự quan tâm, giúp đỡ của lãnh đạo Tổng công ty, các công ty thuốc lá điếu thành viên của Vinataba. Các chỉ tiêu SXKD năm 2019 Công ty đều tăng trưởng toàn diện, cụ thể:

- Doanh thu đạt: 1.015.600 tr.đ, bằng 145,1% so Nghị quyết ĐHĐCĐ và bằng 165,9% so CKNT. **Đây là doanh thu cao nhất trong lịch sử Công ty.**

- Lợi nhuận đạt: 18.550 tr.đồng, bằng 111,1% so so Nghị quyết ĐHĐCĐ và bằng 115,5% so CKNT.

- TNBQ đạt 11,2 tr.đ/ng/tháng, bằng 128,7% so kế hoạch năm 2019 và bằng 136,6% so CKNT.

3. Đánh giá hoạt động Hội đồng quản trị năm 2019 theo lĩnh vực hoạt động

3.1. Lĩnh vực sản xuất nông nghiệp

- Xác định sản xuất nông nghiệp là lĩnh vực cốt lõi của Công ty, Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo Công ty thực hiện chủ trương tăng diện tích đầu tư theo phương thức trực tiếp, giảm diện tích đầu tư theo phương thức gián tiếp nhằm mục đích nâng cao năng suất, chất lượng nguyên liệu thuốc lá, ổn định vùng trồng và tăng hiệu quả sản xuất của nông dân, của Công ty. Kết quả trong năm 2019, diện tích đầu tư trực tiếp đạt 2.094 ha, bằng 102,1% so kế hoạch năm 2019 và bằng 124,5% so CKNT.

- Công tác thu mua nguyên liệu: Vụ Xuân 2019, do ảnh hưởng bởi yếu tố thời tiết trong giai đoạn tích lũy vật chất của cây thuốc lá và giai đoạn hái sấy dẫn đến sản lượng thu hoạch giảm, Hội đồng quản trị đã đồng ý tăng giá mua khoảng 2% so năm 2018 nhằm đảm bảo thu nhập cho người nông dân, ổn định vùng trồng đồng thời đẩy nhanh tiến độ thu mua (khoảng 2 tháng), tập trung ưu tiên mua sản lượng trong diện tích đầu tư trực tiếp và trọng điểm là mua sản lượng chất lượng cao (Cấp 1,2; BAT). Đối với sản lượng cấp 4, Công ty cân đối với kênh tiêu thụ đảm bảo mua hết toàn bộ sản phẩm từ diện tích đầu tư trực tiếp. Kết quả sản lượng thu mua năm 2019 đạt 9.128 tấn, bằng 136,8% so kế hoạch và bằng 141,8% so CKNT. Sản lượng thu mua tăng nguyên nhân chính là do sản lượng tiêu thụ thương mại tăng so kế hoạch năm 2019.

- Về chất lượng: Tỷ lệ cấp cao (BAT, VPM và cấp 2) toàn Công ty đạt bình quân 65,4%, bằng 110,4% so kế hoạch năm 2019 và bằng 103,5% so CKNT. Tỷ lệ cấp 4 và tận dụng toàn Công ty thực hiện năm 2019 đạt tỷ lệ 7,2%, thấp hơn 2,8% so kế hoạch năm 2019 và tăng 1% so CKNT.

- Về chương trình mẫu mới BAT và chương trình xây mới và cải tạo lò sấy thoát ẩm qua đường ống khói:

Hội đồng quản trị đặc biệt quan tâm, thường xuyên theo dõi, đôn đốc và khuyến khích Công ty phát triển 02 nội dung có tính đột phá trong sản xuất nông nghiệp này. Kết quả thực hiện trong năm 2019 đối với 02 nội dung nêu trên thực sự là rất đáng khích lệ, Công ty đã thực hiện được 276 lò sấy, tăng 115% so với kế hoạch và giao được 5,3 tấn mẫu mới BAT.

3.2. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp

- Gia công chế biến sợi thuốc lá:

Đây là lĩnh vực sản xuất mới của Công ty có tiềm năng phát triển và đem lại hiệu quả cao cho Công ty nên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị đặc biệt quan tâm, chỉ đạo sát sao, sát cánh cùng Ban điều hành triển khai từ khâu xin cấp phép, đàm phán triển khai hoạt động sản xuất đến giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động. Kết quả, ước thực hiện năm 2019 Công ty gia công chế biến sợi đạt 9.517 tấn thành phẩm bằng 136,0% so kế hoạch và bằng 507% so CKNT.

- Gia công sơ chế tách cọng thuốc lá:

Nhận định đây là lĩnh vực truyền thống, hoạt động ổn định và hiệu quả cho Công ty hàng năm, Hội đồng quản trị luôn thường xuyên quan tâm, chỉ đạo, tạo điều kiện để Công ty đầu tư nâng cấp nhà xưởng, thực hiện các chính sách ưu đãi, chăm sóc khách hàng, phê

duyệt bổ sung quỹ lương để ổn định đời sống vật chất, tinh thần cho Người lao động, tích cực tham gia các phong trào đoàn thể, động viên tinh thần làm việc của Người lao động. Kết quả, sản lượng sơ chế tách cọng ước thực hiện năm 2019 13.879 tấn thành phẩm, bằng 115,7% so kế hoạch và bằng 115,4% so CKNT.

3.3. Lĩnh vực thương mại

Đánh giá lĩnh vực thương mại là một lĩnh vực đóng góp quan trọng về doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, Hội đồng quản trị đã thống nhất ban hành các chủ trương, cơ chế tạo điều kiện để Công ty nắm bắt kịp thời các cơ hội kinh doanh, phát triển thị trường sản phẩm khách hàng. Kết quả, tổng sản lượng tiêu thụ năm 2019 của Công ty đạt 7.402 tấn, bằng 130,3% so kế hoạch và bằng 170,8% so CKNT, trong đó:

- *Nguyên liệu thuốc lá:* Sản lượng tiêu thụ đạt 704 tấn nguyên liệu, bằng 117,3% so kế hoạch năm 2019 và bằng 94,5% so CKNT.

- *Thành phẩm mảnh lá tước cọng:* Sản lượng tiêu thụ đạt 5.529 tấn thành phẩm, bằng 126,2% so kế hoạch năm 2019 và bằng 154,2% so CKNT.

- *Sợi thành phẩm thuốc lá:* Sản lượng tiêu thụ đạt 1.169 tấn thành phẩm, bằng 167,% so kế hoạch năm 2019 và tăng gần 4 lần so CKNT.

3.4. Công tác khác

- *Công tác tài chính – kế toán, thu nộp ngân sách Nhà nước, kiểm tra, kiểm soát:*

+ Năm 2019, áp lực về dòng tiền tăng cao, đặc biệt trong giai đoạn thu mua nguyên liệu do công tác tiêu thụ nội địa gặp nhiều khó khăn, công nợ phải thu tăng cao do các công ty thuốc lá điếu gặp khó khăn về tài chính và việc Công ty tiếp tục đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng, kho tàng. Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị thường xuyên sát cánh với Ban Giám đốc, Phòng Tài chính – Kế toán tìm kiếm, mở rộng các đối tác tài trợ vốn, tích cực đàm phán để đạt được những điều kiện có lợi nhất cho Công ty. Đặc biệt, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, đôn đốc Công ty triển khai, thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của Công ty tại trụ sở chính để làm cơ cơ lợi thế quan trọng trong việc đàm phán với các đơn vị tài trợ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm tiếp theo. Kết quả, mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty vẫn đảm bảo dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh ngay cả những thời điểm căng thẳng nhất, khả năng thanh toán nói chung vẫn đảm bảo trong ngưỡng cho phép.

- *Công tác đầu tư XDCB:*

Năm 2019, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo xây dựng và phê duyệt các dự án đầu tư thêm 02 kho với diện tích lên đến trên 4.400m2, nhằm tiết giảm chi phí thuê kho ngoài của Công ty hiện đang mất khoảng 10 tỷ đồng mỗi năm.

- *Công tác thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển Công ty đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030:*

Thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển Công ty đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo tổ chức các lớp học Đào tạo, chuyển giao Chiến lược tới toàn thể Các bộ nhân viên Công ty. Ngoài ra, Hội đồng quản trị cũng đã chỉ đạo Ban điều hành phối hợp với Viện Năng suất Việt Nam triển khai đồng loạt Chương trình 5S-4M trong khối sản xuất công nghiệp.

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ công tác cung cấp các thông tin liên quan trong quá trình điều hành theo quy định của pháp luật đối với tổ chức niêm yết, phúc đáp kịp thời các ý kiến của cổ đông, Báo cáo quản trị, Báo cáo tài chính và các tài liệu khác về cơ bản được công bố đúng hạn.

- Tất cả những quyền lợi của Cổ đông theo quy định của Điều lệ, pháp luật và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ động đều được nghiêm túc thực hiện.

4. Kết luận

4.1. Một số tồn tại của Hội đồng quản trị cần khắc phục

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã rất quyết liệt chỉ đạo và giám sát trong các hoạt động sản xuất kinh doanh các chỉ tiêu quan trọng như doanh thu, lợi nhuận, tỷ lệ chia cổ tức đều vượt kế hoạch của ĐHĐCĐ giao tuy nhiên việc chỉ đạo thoái vốn tại Công ty Chứng khoán Nhất Việt vẫn chưa hoàn thành, đây là nhiệm vụ Hội đồng quản trị cần đặc biệt chú trọng trong năm tới.

Chất lượng nguyên liệu đã được cải thiện so với những năm trước đây, hàm lượng đường giảm rõ rệt tuy nhiên tỷ lệ đường khử/nicotine còn chưa thực sự thoả mãn các nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Đây là nhiệm vụ trọng tâm và cấp thiết cho các năm 2020 và các năm tiếp theo để tạo ra các sản phẩm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

4.2. Đánh giá hoạt động của Ban điều hành

Năm 2019, Ban Giám đốc đã có nhiều sự nỗ lực trong công tác điều hành mọi mặt hoạt động của Công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông cũng như của HĐQT ban hành. Với các chỉ tiêu đạt được năm 2019, Hội đồng quản trị đánh giá Ban điều hành đã hoàn thành nhiệm vụ trong năm tài chính 2019.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY VÀ CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2020

1. Một số chỉ tiêu chính kế hoạch SXKD năm 2020

Dựa trên các yếu tố đánh giá thuận lợi, khó khăn, nguồn lực hiện có của Công ty, Công ty xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2020 như sau:

- Doanh thu: 750.000 triệu đồng, bằng 73,8% so ước thực hiện năm 2019.
- Lợi nhuận trước thuế: 15.050 triệu đồng, bằng 81,1% so ước thực hiện năm 2019.
- TNBQ: 9,1 triệu đồng/người/tháng, bằng 81,6% so với thực hiện năm 2019.
- Tỷ lệ cổ tức: dự kiến 8%.

2. Một số định hướng phát triển và chương trình công tác của HĐQT Công ty năm 2020

Nhận định năm 2020, tình hình ngành thuốc lá tiếp tục ảnh hưởng nghiêm trọng do cơ chế chính sách thay đổi, do bùng phát dịch viên đường hô hấp cấp Covid 19. Ngoài ra, lĩnh vực kinh doanh của Công ty chịu sức ép cạnh tranh ngày càng tăng của các đơn vị trong và ngoài ngành ảnh hưởng trực tiếp đến chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận của Công ty.

Thực hiện trách nhiệm của Hội đồng quản trị, với phương châm chỉ đạo sản xuất kinh doanh của Công ty đạt được các chỉ tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2020 với những nội dung chính sau:

- *Lĩnh vực sản xuất nông nghiệp:* tiếp tục thực hiện Nghị quyết 151- NQ/ĐUCPNS của Đảng ủy Công ty sát với tình hình thực tiễn, đảm bảo tính thường xuyên, liên tục, cụ thể và đạt hiệu quả cao. Trong năm 2020, tiếp tục chú trọng công tác đầu tư tại các vùng

nguyên liệu, đầu tư tập trung, có trọng điểm, có chất lượng. Triển khai thực hiện công tác sản xuất thuốc lá tuân thủ đúng theo quy trình kỹ thuật hiện hành. Đẩy mạnh công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật phù hợp với điều kiện cụ thể của từng khu vực. Quy hoạch các vùng sản xuất nguyên liệu thuốc lá chất lượng cao, đẩy mạnh sản xuất theo hướng thực hành nông nghiệp tốt: "nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm".

- Trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp - chế biến sợi:

Năm 2020 sản lượng sản xuất công nghiệp sẽ gặp nhiều khó khăn trong công tác điều động sản xuất do nguồn hàng bị động, Hội đồng quản trị cần quan tâm, phối hợp hơn nữa với Ban điều hành làm việc với đối tác Công ty Hanchen để giải quyết các vấn đề còn bất cập để Công ty vận hành ổn định và hiệu quả cao nhất dây chuyền chế biến sợi thuốc lá.

- Trong lĩnh vực tiêu thụ:

Năm 2020 trọng tâm là thị trường nội địa, duy trì và tăng sản lượng bán hàng cho các công ty thuốc lá điếu thành viên trong Tổng công ty. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục duy trì và phát triển thị trường và khách hàng xuất khẩu, từng bước xâm nhập vào thị trường tiêu thụ cho các khách hàng khác trong Hiệp hội Thuốc lá nhằm gia tăng thêm sản lượng bán hàng. Hội đồng quản trị cần quan tâm, phối hợp hơn nữa với Ban điều hành trong công tác đàm phán với các đối tác trong và ngoài nước.

- Trong các lĩnh vực khác:

Thường xuyên giám sát, đôn đốc việc thực hiện thoái vốn tại Công ty Chứng khoán Nhất Việt, từ đó đưa ra các giải pháp đúng đắn để đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn.

Giám sát, đôn đốc, chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thi công kho số 9 sớm đưa vào sử dụng, đồng thời tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành triển khai xây dựng kho tại khu vực Văn phòng Công ty (Khu công nghiệp Tiên Sơn) với diện tích khoảng 2.400 m2 (kho số 10) nhằm tăng năng lực kho bảo quản, giảm chi phí thuê kho, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh theo quy hoạch đã được HĐQT Công ty phê duyệt. Bên cạnh đó, chú trọng đầu tư xây dựng các hạng mục như: kho tàng (xây dựng kho, cải tạo các hệ thống kho hiện có nhằm tăng năng lực và chất lượng kho chứa bảo quản) và nhà làm việc tại các Chi nhánh trực thuộc phục vụ cho sản xuất.

Định hướng và chỉ đạo việc hoàn thiện các quy chế, quy định nội bộ Công ty.

Tiếp tục tổ chức triển khai, thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển Công ty đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 để Công ty phát triển theo đúng định hướng đã đặt ra.

Chỉ đạo Ban điều hành xây dựng các báo cáo nghiên cứu thị trường để Công ty có căn cứ khách quan, đa chiều trước khi quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp nhất.

Chỉ đạo Ban điều hành và các phòng ban chuyên môn có các chính sách thu hút khách hàng gia công tách cọng và gia công chế biến sợi nội địa, xuất khẩu để đảm bảo hoạt động sản xuất công nghiệp năm 2020 đạt hiệu quả cao.

- Trong tập thể Hội đồng quản trị:

+ Liên tục cải tiến phương thức làm việc và hoạt động của Hội đồng quản trị theo hướng khoa học hơn, hiệu quả hơn. Các Thành viên Hội đồng quản trị, đặc biệt đồng chí Chủ tịch Hội đồng quản trị cần đầu tư hơn nữa thời gian để làm tốt hơn nữa công tác của Hội đồng quản trị.

+ Sự phối hợp, trao đổi giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành cần thường xuyên, chặt chẽ hơn nữa, kết hợp được trí tuệ, kinh nghiệm tập thể trong giải quyết các công việc phát sinh lớn của Công ty.

PHẦN IV. BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

I. TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

1. Đánh giá tình hình chung

1.1. Thuận lợi

- Chính sách định hướng vĩ mô của Tổng công ty phát huy hiệu quả cùng sự phối hợp hỗ trợ của các công ty thuốc lá điếu ưu tiên mua nguyên liệu trong hệ thống Vinataba góp phần ổn định phát triển bền vững sản xuất nông nghiệp.

- Chiến lược phát triển đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 của Công ty đi đúng hướng. Công tác cơ cấu, sắp xếp lao động khẳng định tính hợp lý trong quản lý.

- Sản xuất công nghiệp phát huy hiệu quả tạo thành quy trình sản xuất khép kín từ nguyên liệu đến sợi đã tăng giá trị và là lợi thế thu hút khách hàng gia công.

- Thị trường xuất khẩu được mở rộng và phát triển, góp phần đa dạng hóa sản phẩm, tăng sản lượng tiêu thụ và hiệu quả của Công ty.

- Sự hợp tác truyền thống và ủng hộ của chính quyền vùng nguyên liệu, nông dân trồng thuốc lá là thế mạnh của Công ty trong kinh doanh.

1.2. Khó khăn

- Chính sách của Nhà nước (Nghị định 100/2016/NĐ-CP liên quan đến hoàn thuế GTGT và Quyết định 23/2019/QĐ-TTg về nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá) ảnh hưởng đến dòng tiền SXKD và nguồn nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp.

- Sự dịch chuyển thị phần thuốc lá điếu từ phân khúc phổ thông sang trung, cao cấp dẫn đến yêu cầu cao hơn về chất lượng nguyên liệu tạo thành sức ép sản xuất nguyên liệu.

- Kho bảo quản hàng hóa của Công ty còn hạn chế, chi phí thuê kho bên ngoài phục vụ sản xuất cao ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Áp lực về tài chính, dòng tiền gặp khó khăn do Công ty đầu tư thêm cơ sở hạ tầng. Lãi suất ngân hàng, chi phí đầu vào tăng tác động đến hiệu quả SXKD của Công ty.

- Biến động khó lường của thị trường nhập khẩu nguyên liệu do ảnh hưởng bởi chính sách Nhà nước đã tác động mạnh tới thị trường dịch vụ sơ chế tách cọng theo hướng bị động.

2. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019

2.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019

Với những nỗ lực không ngừng của tập thể lãnh đạo và CBCNV Công ty cùng sự quan tâm, giúp đỡ của lãnh đạo Tổng công ty, các công ty thuốc lá điếu thành viên của Vinataba. Các chỉ tiêu SXKD năm 2019 Công ty đều tăng trưởng toàn diện, cụ thể:

- Doanh thu đạt: 1.015.600 tr.đ, bằng 145,1% so Nghị quyết ĐHĐCĐ và bằng 165,9% so CKNT.

- Lợi nhuận đạt: 18.550 tr.đồng, bằng 111,1% so so Nghị quyết ĐHĐCĐ và bằng 115,5% so CKNT.

- TNBQ đạt 11,2 tr.đ/ng/tháng, bằng 128,7% so kế hoạch năm 2019 và bằng 136,6% so CKNT.

* Báo cáo tài chính Công ty năm 2019 (đã kiểm toán): có bảng chi tiết kèm theo

2.2. Đánh giá hoạt động SXKD năm 2019 theo lĩnh vực hoạt động

2.2.1. Lĩnh vực sản xuất, thu mua nguyên liệu

- Diện tích đầu tư trực tiếp đạt 2.094 ha, bằng 102,1% so kế hoạch năm 2019 và bằng 124,4% so CKNT. Thu hồi vốn đầu tư đạt 100% theo kế hoạch.

- Thu mua nguyên liệu: Do ảnh hưởng bởi yếu tố thời tiết trong giai đoạn hái sấy, để ổn định vùng trồng, Công ty tăng giá mua so năm 2018, đồng thời đẩy nhanh tiến độ mua khoảng 2 tháng, tập trung trọng điểm là mua chất lượng cao, cân đối với kênh tiêu thụ đảm bảo mua hết sản phẩm từ diện tích đầu tư. Kết quả, sản lượng mua năm 2019 đạt 9.215 tấn, bằng 138,2% so kế hoạch và bằng 143,2% so CKNT.

- Về chất lượng: Tỷ lệ cấp cao đạt 65,4%, bằng 110,4% so kế hoạch và bằng 103,5% so CKNT. Đối với tỷ lệ Nicotin và Đường trong lá thuốc, nhìn chung đã đạt yêu cầu đề ra.

- Về chương trình mẫu mới BAT và chương trình xây mới và cải tạo lò sấy thoát ẩm qua đường ống khói: Chương trình mẫu mới BAT: Công ty thực hiện đạt 5,3 tấn mẫu mới được Công ty BAT chấp nhận. Chương trình xây mới và cải tạo lò sấy thoát ẩm qua đường ống khói: thực hiện đạt 276 lò sấy, tăng 115% so kế hoạch. Kết quả thực hiện đã nâng cao chất lượng sấy nguyên liệu thuốc lá, giảm tiêu hao nhiên liệu so với trước đây.

2.2.2. Lĩnh vực sản xuất gia công chế biến

Công ty đã tận dụng tối đa các điều kiện để tăng sản lượng sản xuất công nghiệp, đặc biệt là chế biến sợi thuốc lá. Kết quả, sản lượng sản xuất công nghiệp thực hiện đạt 23.765 tấn thành phẩm, bằng 125,1% so kế hoạch và bằng 170,9% so CKNT, cụ thể:

- Gia công sơ chế tách cọng thuốc lá: Sản lượng thực hiện đạt: 14.190 tấn (trong đó: xuất khẩu đạt 6.347 tấn thành phẩm, nội địa đạt 7.843 tấn thành phẩm) bằng 118,3% so kế hoạch năm 2019 và bằng 118,0% so CKNT.

- Gia công chế biến sợi thuốc lá: Lĩnh vực chế biến sợi của Công ty là lĩnh vực mới, tuy nhiên năm 2019 Công ty đã tích cực làm chủ công nghệ, nỗ lực tìm kiếm khách hàng trong nước và xuất khẩu. Kết quả, sản lượng thực hiện năm 2019 đạt: 9.575 tấn (trong đó: xuất khẩu: 4.953 tấn, nội địa: 4.622 tấn) bằng 136,8% so kế hoạch.

2.2.3. Lĩnh vực thương mại

Tổng sản lượng tiêu thụ năm 2019 của Công ty đạt: 7.944 tấn, bằng 139,9% so kế hoạch năm 2019 và bằng 183,4% so CKNT, cụ thể:

- Nguyên liệu thuốc lá: Sản lượng tiêu thụ đạt 704 tấn nguyên liệu, bằng 117,3% so kế hoạch năm 2019 và bằng 94,5% so CKNT.

- Mảnh lá tước cọng: Sản lượng tiêu thụ đạt 6.054 tấn thành phẩm, bằng 138,2% so kế hoạch năm 2019 và bằng 168,9% so CKNT. Nguyên nhân tăng là do tăng sản lượng tiêu thụ thương mại và lượng nhập khẩu – sản xuất – xuất khẩu của Công ty.

- Sợi thuốc lá: Đây là lĩnh vực mới của Công ty, tuy nhiên sản lượng tiêu thụ năm 2019 đạt 1.185 tấn thành phẩm, bằng 169,3% so kế hoạch (trong đó: nội địa 1.120 tấn, xuất khẩu: 65 tấn). Việc tiêu thụ sản lượng sợi đã làm tăng hiệu quả kinh doanh và giúp cải thiện dòng tiền nhờ hoàn được thuế VAT của Công ty năm 2019.

2.2.4. Lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản

- Công tác tài chính – kế toán, thu nộp ngân sách Nhà nước: Năm 2019, Công ty đã hoàn thuế được 7.350 tr.đ/tổng số 21.652 tr.đ chờ hoàn. Nộp NS đạt và vượt KH.

- *Công tác tổ chức nhân sự, tiền lương và lao động:* Năm 2019, Công ty tiếp tục thực hiện công tác sắp xếp bố trí lao động theo định hướng Chiến lược của Công ty. Số lao động có hợp đồng 1 năm trở lên nhìn chung ổn định với 400 lao động, TNBQ 11,2 tr.đ/người/tháng, bằng 128,7% so KH và bằng 136,6% so CKNT.

- *Công tác đầu tư XDCB:* Công ty tập trung với 2 công trình trọng điểm kho số 8,9 với diện tích 4.440 m2. Đối với kho số 8, đã hoàn thành và bàn giao đi vào sử dụng, kho số 9 đang tiếp tục thực hiện theo kế hoạch của Công ty.

- *Áp dụng thực hành 5S:* Công ty tiếp tục duy trì áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015 và ISO 14.001-2004 vào hoạt động SXKD. Trong năm 2019, Công ty triển khai áp dụng thực hành 5S vào hoạt động sản xuất công nghiệp.

* Tóm lại: Năm 2019, Công ty đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao: Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục ổn định và phát triển. Tình hình tài chính ổn định, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đều đạt và vượt kế hoạch, đặc biệt chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và thu nhập người lao động tăng cao so kế hoạch và CKNT.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

1. Đặc điểm tình hình

1.1. Thuận lợi

- Chiến lược phát triển Tổng công ty đến năm 2025 đã được triển khai thực hiện là tiền đề cho các đơn vị thành viên hoạch định SXKD bền vững.

- Công ty ban hành Chiến lược phát triển là cơ sở, định hướng quan trọng trong điều hành để tập trung các nguồn lực vào thế mạnh nhằm phát triển bền vững.

- Sự hợp tác truyền thống có hiệu quả với khách hàng trong và ngoài nước những năm qua giúp Công ty vượt qua những khó khăn, thách thức trong giai đoạn mới.

- Uy tín, thương hiệu và chất lượng sản xuất công nghiệp là ưu thế cạnh tranh và cơ hội để thu hút khách hàng.

- Chính quyền địa phương vùng trồng ủng hộ. Diện tích đầu tư Dự án mẫu mới cho BAT sẽ khởi đầu để định hình phân khúc sản phẩm khác biệt của Công ty.

1.2. Khó khăn

- Quyết định 23/2019/QĐ-TTg ngày 27/6/2019 của Chính phủ, tác động ảnh hưởng trực tiếp nguồn nguyên liệu nhập khẩu đầu vào cho sản xuất sơ chế tách cọng và tạo sức ép cạnh tranh trong sản xuất và thu mua nguyên liệu thuốc lá trong nước.

- Trong nước tiếp tục trong tình trạng dư thừa nguồn nguyên liệu nội địa, dẫn đến yêu cầu ngày càng cao về chất lượng. Sự chuyển dịch thị phần thuốc lá điếu từ phân khúc phổ thông sang trung, cao cấp tác động trực tiếp đến tiêu thụ nguyên liệu thuốc lá. Công tác nhập khẩu – sản xuất – xuất khẩu sẽ gặp khó khăn do ảnh hưởng từ chính sách của Nhà nước.

- Áp lực cạnh tranh mua nguyên liệu thuốc lá Vụ Xuân 2020 dự báo sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro rất khó lường và phức tạp, thị trường mua nguyên liệu trong nước sẽ chịu tác động do chính sách của Nhà nước thay đổi.

- Sản xuất công nghiệp gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng bởi dịch viêm đường hô hấp cấp do Virut Corona gây ra, các hoạt động liên quan đến nhập khẩu, xuất khẩu tại các cửa khẩu bị hạn chế và kiểm soát chặt chẽ. Vì vậy, công tác nhập khẩu, gia công xuất khẩu

nguyên liệu thuốc lá của Công ty bị động về nguồn nguyên liệu cho sản xuất gia công tách cọng, đặc biệt là nguồn nguyên liệu nhập khẩu gia công xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2020. Kế hoạch sản xuất chế biến sợi năm 2020 phụ thuộc chủ yếu vào sản lượng của Công ty Hanchen và dẫn đến có thể sản xuất 1 ca hoặc phải nghỉ chờ việc.

- Chi phí giá thành sản xuất tăng: Mức lương tối thiểu vùng tăng khoảng 5,5% so với năm 2019 áp dụng từ ngày 01/01/2020, chi phí vật tư đầu vào có xu hướng tăng, ảnh hưởng đến kết quả SXKD của Công ty.

- Dư nợ phải thu khách hàng trong Tổng công ty năm 2019 lớn và có thể kéo dài 6 tháng đầu năm 2020 dẫn đến tăng chi phí lãi vay, dòng tiền cho SXKD bị ảnh hưởng.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

Dựa trên các yếu tố đánh giá thuận lợi, khó khăn, nguồn lực hiện có của Công ty, Công ty xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2020 như sau:

- Doanh thu: 750.000 triệu đồng, bằng 73,8% so ước thực hiện năm 2019.

- Lợi nhuận trước thuế: 15.050 triệu đồng, bằng 81,1% so ước thực hiện năm 2019.

Nguyên nhân doanh thu và lợi nhuận kế hoạch năm 2020 giảm so thực hiện năm 2019 chủ yếu là do Công ty tính đến yếu tố giảm sản lượng tiêu thụ, sản lượng GCCB.

- TNBQ: 9,1 tr.đ/người/tháng, bằng 81,6% so với thực hiện năm 2019. Thu nhập bình quân KH giảm là do tính đến yếu tố nghỉ chờ việc của Khối SXCN (khoảng 3 tháng).

- Tỷ lệ cổ tức: Dự kiến 8%.

Tổng hợp các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị Tính	TH 2019	KH 2020	Tỷ lệ % KH20/TH19
1	**Diện tích đầu tư**	Ha	**2.094**	**2.120**	**101,2**
2	**Sản lượng thu mua**	**Tấn**	**9.215**	**6.970**	**75,6**
3	**Sản lượng tiêu thụ**		**7.944**	**6.360**	**80,1**
	- Nguyên liệu lá	Tấn NL	704	600	85,2
	- Thành phẩm mảnh lá	Tấn TP	6.054	5.210	86,0
	- Thành phẩm sợi thuốc lá	Tấn TP	1.185	550	46,4
4	**Gia công chế biến**	**Tấn TP**	**23.765**	**16.000**	**67,3**
	- Sơ chế tách cọng mảnh lá		14.190	10.000	70,5
	- Gia công chế biến sợi		9.575	6.000	62,7
5	**Doanh thu**	**Tr.đồng**	**1.015.600**	**750.000**	**73,8**
	Trong đó: Kim ngạch XK		*10,1*	*6,3*	*61,9*
6	**Lợi nhuận trước thuế**	**Tr.đồng**	**18.550**	**15.050**	**81,1**
7	**Nộp Ngân sách**	**Tr.đồng**	**7.400**	**4.200**	**56,8**
8	**TNBQ theo tiền lương (tr.đ/ng/th)**		**11,2**	**9,1**	**81,6**
9	**Tỷ lệ cổ tức**	**%**	**9,0**	**8,0**	**88,0**

3. Các nhóm giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 151-NQ/DUCPNS ngày 05/12/2016 về nâng cao năng xuất, chất lượng nguyên liệu thuốc lá hướng tới ổn định và phát triển diện tích tại các vùng nguyên liệu giai đoạn 2017-2020. Trong đó, cụ thể hóa bằng các kế hoạch triển khai,

các tiêu chí đánh giá hàng tháng, quý, năm 2020 đến từng chi bộ thực hiện. Để đạt được các mục tiêu Nghị quyết số 151-NQ/DUCPNS cần triển khai cụ thể các giải pháp:

3.1.1. Đối với diện tích đầu tư trực tiếp

- *Đầu tư không thu hồi:* Hạt giống thuốc lá cho diện tích 2.020 ha; Tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật cho 100% hộ nông dân, thực hiện 2 đợt trong giai đoạn đồng ruộng và giai đoạn thu hoạch hái sấy.

- *Đầu tư có thu hồi:* Đầu tư ứng trước vật tư nông nghiệp, thu hồi khi bán sản phẩm; cho nông dân vay vốn xây mới, cải tạo lò sấy theo nguyên lý thoát ẩm qua đường ống khói tại các vùng nguyên liệu đầu tư, quản lý. Thu hồi trong một vụ sản xuất.

***3.1.2.* Đối với diện tích nằm trong Dự án tạo mẫu mới theo Tiêu chuẩn BAT:**

Diện tích Dự án năm 2020 là 100 ha. Ngoài chính sách thực hiện chung, bổ sung thêm một số chính sách đầu tư như: gieo giống tập trung, cấp phát toàn bộ cây giống cho các hộ nông dân tham gia thực hiện Dự án; hỗ trợ người nông dân 2.000 đ/kg phân bón; cấp không thu hồi toàn bộ túi PE để bảo quản nguyên liệu sau sấy; Hỗ trợ cộng tác viên hoặc cán bộ kỹ thuật tham gia chương trình; áp dụng giá phân cấp đóng kiện 1.700 đ/kg đối với toàn bộ sản lượng nguyên liệu tạo ra từ diện tích thực hiện Dự án.

3.1.3. Các giải pháp khác

- Chất lượng sản phẩm: Đảm bảo chất lượng theo yêu cầu, cấp 1+2 và BAT đạt tỷ lệ tối thiểu 65%; riêng sản lượng cấp 3,4 điều chỉnh linh hoạt trong thu mua trên cơ sở cân đối sản lượng tiêu thụ, hạn chế thấp nhất tồn kho, tăng tối đa hiệu quả sản phẩm.

- Điều phối nguồn lực (kho tàng và lao động) tập trung cho 3 Chi nhánh thu mua. Công ty tiến hành thẩm định kế hoạch thu mua của các Chi nhánh, chỉ đạo tập trung theo định hướng các Chi nhánh mua theo diện tích đầu tư, không cạnh tranh nội bộ.

- Công tác tiêu thụ sản phẩm: Năm 2020 trọng tâm là thị trường nội địa, duy trì sản lượng bán hàng cho các công ty thuốc lá điếu thành viên trong Vinataba. Tiếp tục duy trì và mở rộng thị trường xuất khẩu, từng bước xâm nhập vào thị trường tiêu thụ cho các khách hàng khác trong Hiệp hội Thuốc lá nhằm tăng thêm sản lượng bán hàng.

3.2. Công tác sản xuất công nghiệp

- Bố trí lao động hợp lý trong các giai đoạn sản xuất, đặc biệt những tháng sản xuất cao điểm của 2 phân xưởng để có chính sách phù hợp, trong đó tính đến điều chuyển lao động hoặc sản xuất 1 ca nhằm đảm bảo việc làm, giảm chi phí thuê ngoài. Bên cạnh đó, Công ty chi tiền lương hỗ trợ ngừng việc nhằm giữ lao động có kinh nghiệm và tay nghề.

- Tiếp tục nghiên cứu, cải tiến thêm một số thiết bị phù hợp theo thực tế yêu cầu của khách hàng nhằm đáp ứng tốt nhất về chất lượng dịch vụ sơ chê tách cọng.

- Phân xưởng Sợi: Tiếp tục sắp xếp lại lao động phù hợp trong điều kiện sản xuất mới, đặc biệt là bố trí sản xuất cho khách hàng trong nước và xuất khẩu nhằm đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

3.3. Tiếp tục triển khai thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển Công ty; Thực hiện đồng bộ các giải pháp về tài chính đáp ứng sản xuất, giảm chi phí, tăng năng lực cạnh tranh và hiệu quả SXKD:

- Triển khai xây dựng kế hoạch trung, dài hạn nhằm cụ thể hóa các nội dung Chiến lược ổn định và phát triển Công ty đến năm 2025, tầm nhìn 2030 của Công ty.

- *Công tác tài chính:* Khai thác triệt để mọi nguồn vốn có thể nhằm đảm bảo đủ vốn cho sản xuất kinh doanh và giảm chi phí tài chính; Điều chỉnh cơ cấu tài sản, tăng cường

công tác đầu tư và quản lý chặt chẽ nợ phải thu. Thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí; Hoàn thiện công tác kế toán tài chính theo hướng hiện đại. Xây dựng các chính sách, hệ thống kiểm soát và quản trị rủi ro; Thường xuyên rà soát giá cả nguyên vật liệu đầu vào, tìm kiếm và đa dạng hóa nguồn cung cấp nhưng vẫn bảo đảm chất lượng. Quản lý tập trung nguồn lực nhằm giảm bớt các khâu trung gian trong hệ thống quản lý.

- Xem xét, đánh giá lại một số lĩnh vực kinh doanh, góp vốn có hiệu quả thấp để có giải pháp trong việc thoái vốn góp bên ngoài, nâng cao hiệu quả đồng sử dụng vốn.

3.4. Một số công tác khác

- Năm 2020 Công ty tiếp tục phối hợp với các Trường, Viện đào tạo hoặc Trung tâm đào tạo Vinataba để tăng cường đào tạo cho cán bộ quản lý và CNV nhằm nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản: Trọng tâm là triển khai xây dựng kho tại khu vực Văn phòng Công ty (Khu công nghiệp Tiên Sơn) với diện tích khoảng 2.400 m2 kho số 10 nhằm tăng năng lực kho bảo quản, giảm chi phí thuê kho, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh theo quy hoạch đã được HĐQT Công ty phê duyệt. Bên cạnh đó, chú trọng đầu tư xây dựng các hạng mục như: kho tàng (xây dựng kho, cải tạo các hệ thống kho hiện có nhằm tăng năng lực và chất lượng kho chứa bảo quản) và nhà làm việc tại các Chi nhánh trực thuộc phục vụ cho sản xuất.

- Tiếp tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế tiêu chuẩn ISO 9001-2015 và hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn 14001-2015; triển khai áp dụng công cụ tinh gọn 5S vào Phân xưởng Sợi và Phân xưởng tách cọng; tiếp tục triển khai thực hiện chương trình trách nhiệm xã hội (SRTP) đã cam kết với Công ty BAT-Vinataba trong sản xuất thuốc lá năm 2020.

PHẦN V. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019 VÀ CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC NĂM 2020

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019

1. Hoạt động của Ban Kiểm soát

- Hoạt động của Ban kiểm soát được tiến hành độc lập theo quy định tại Điều lệ Công ty.

- Thực hiện kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Ngân Sơn năm 2019 thông qua, Ban Kiểm soát đã phối hợp với các phòng ban Công ty tiến hành:

- Kiểm soát đánh giá tình hình hoạt động SXKD tại các đơn vị trực thuộc (06 cuộc tại 03 Chi nhánh của Công ty);

- Kiểm soát thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty (gồm thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2018, Báo cáo tài chính các quý và báo cáo tài chính năm 2019);

- Kiểm tra quyết toán Dự án hợp tác đầu tư dây chuyền chế biến sợi;

- Phối hợp tổ chức thành công đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;

- Thường xuyên (hàng tháng, Quý hoặc đột xuất) kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT cũng như giám sát việc thực hiện của Giám đốc Công ty đối với các Nghị quyết chỉ đạo của HĐQT để đảm bảo tất cả các chỉ đạo của HĐQT đều được Giám

đốc Công thực hiện theo đúng chức năng nhiệm vụ theo đúng quy định của Công ty cũng như quy định của pháp luật (*trong năm 2019, HĐQT đã ban hành 42 văn bản lãnh đạo, chỉ đạo trong đó có 17 nghị quyết và 25 quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được Giám đốc Công ty triển khai thực hiện theo quy định*);

- Việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty được Giám đốc Công ty thực hiện cụ thể theo từng tháng thông qua cuộc họp sản xuất giao ban, đưa ra các vấn đề cụ thể và đánh giá kết quả theo từng tháng và yêu cầu làm rõ các vấn đề chưa làm được nhằm khắc phục để đảm bảo chỉ đạo được thông suốt và hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị giao phó.

- Phối hợp làm việc với Kiểm toán nhà nước, Đoàn kiểm tra kiểm soát của Tổng công ty, Công ty Kiểm toán độc lập, làm việc với các Ngân hàng thương mại đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Qua việc thực hiện kiểm tra giám sát, Ban Kiểm soát đã kịp thời có những kiến nghị, đề xuất và được Ban lãnh đạo Công ty ghi nhận, chỉnh sửa và khắc phục đảm bảo đúng quy định và phù hợp với tình hình hoạt động SXKD của Công ty

Ngoài ra còn thường xuyên phối hợp với Kế toán trưởng xem xét các vấn đề liên quan đến tài chính của Công ty như : làm việc với kiểm toán độc lập liên quan đến báo cáo tài chính bán niên 2019 ; phối hợp kiểm kê, lập báo cáo tài chính năm 2019, thường xuyên cân đối dòng tiền, xem xét các chỉ tiêu tài chính để đảm bảo tài chính của Công ty luôn đủ đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của Bộ tài chính, Ủy ban chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đối với Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán.

2. Mối quan hệ của Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Ban Kiểm soát giữ mối liên hệ thường xuyên với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty. Ban Kiểm soát được mời tham dự và có ý kiến đóng góp trong các phiên họp thường kỳ cũng như đột xuất của Hội đồng quản trị, các cuộc họp sản xuất hàng tháng của Ban Giám đốc.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của mình.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH, HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2019

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Ban Kiểm soát thống nhất với những đánh giá của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty về tình tình hoạt động của Công ty trong năm 2019. Kết thúc năm tài chính 2019, Công ty đã đạt được các chỉ tiêu chính như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	NQ Đại hội đồng cổ đông	Thực hiện	So sánh TH/NQ (%)
1	Doanh thu thuần	Tr.đồng	700.000	1.015.623	145
2	Lợi nhuận trước thuế	nt	16.700	18.549	111

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	NQ Đại hội đồng cổ đông	Thực hiện	So sánh TH/NQ (%)
3	Nộp Ngân sách	nt	-	7.995	-
4	Tỷ lệ cổ tức dự kiến	%	10%	9%	90

- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2019 đạt 1.015,6 tỷ đồng, tăng 403,8 tỷ đồng, bằng 166% so với cùng kỳ năm 2018. Lý do:

+ Sản lượng tiêu thụ nguyên liệu thuốc lá đạt 9.043 tấn, tăng 157% so CKNT. Trong đó trọng yếu là sản lượng tiêu thụ nguyên liệu sợi năm 2019 tăng 1.120 tấn tương đương giá trị 103 tỷ đồng (do cuối năm 2018 Công ty mới được cấp phép bán và gia công sợi trong nước), sản lượng nguyên liệu xuất khẩu đạt: 1.618 tấn với giá trị 149,8 tỷ đồng tăng cao so với cùng kỳ năm 2018 (năm 2018 xuất khẩu 100 tấn) và hàng thương mại năm 2019 đạt 2.133 tấn với giá trị 234,8 tỷ đồng năm 2018 không có hoạt động này;

+ Gia công sơ chế tách cọng thuốc lá: Sản lượng thực hiện đạt: 14.190 tấn (trong đó: xuất khẩu đạt 6.347 tấn thành phẩm, nội địa đạt 7.843 tấn thành phẩm) bằng 118,3% so kế hoạch năm 2019 và bằng 118,0% so CKNT.

+ Gia công chế biến sợi thuốc lá: Lĩnh vực chế biến sợi của Công ty là lĩnh vực mới, tuy nhiên năm 2019 Công ty đã tích cực làm chủ công nghệ, nỗ lực tìm kiếm khách hàng trong nước và xuất khẩu. Kết quả, sản lượng thực hiện năm 2019 đạt: 9.575 tấn (trong đó: xuất khẩu: 4.953 tấn, nội địa: 4.622 tấn) bằng 136,8% so kế hoạch.

- Doanh thu từ hoạt động tài chính đạt 2.07 tỷ đồng, giảm 2,6 tỷ đồng, bằng 44,9% so với cùng kỳ năm 2018. Lý do chủ yếu là giảm lãi bán hàng trả chậm đối với các khách hàng gia công tách cọng (Hongkong King Grain, Central Line LIMITED…)

- Lợi nhuận gộp tăng 37,8 tỷ đồng, bằng 136,6% so CKNT do doanh thu tăng. Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần đạt 13,9%, thấp hơn 3 điểm % so với CKNT là do năm 2019 Công ty có một số dịch vụ thương mại làm cho doanh thu tăng cao tuy nhiên lợi nhuận gộp hiệu quả không cao (bù đắp được chi phí, tạo công ăn việc làm cho công nhân 02 phân xưởng sản xuất và đem lại hiệu quả chung cho Công ty).

- Chi phí tài chính năm 2019 là 19.272 triệu tăng 5.185 triệu đồng, tương ứng tăng 36,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó lãi vay tăng 5.878 triệu đồng đồng. Nguyên nhân:

+ Do lãi suất vay ngắn hạn ngân hàng trong năm 2019 tăng lên 1,3% so lãi suất năm 2018 làm lãi vay tăng 2.950 triệu đồng, mặt khác Công ty đã huy động vốn để thu mua nguyên liệu thuốc lá tăng hơn so cùng kỳ năm trước để đáp ứng yêu sản xuất kinh doanh năm 2019 tăng trưởng làm tăng lãi vay 3.028 tỷ đồng, lãi suất vay dài hạn đầu tư cho SXKD giảm 100 triệu đồng do giảm số dư b/q khoản nợ vay.

+ Chi phí bán hàng năm 2019 tăng 11,5 tỷ đồng, tương ứng tăng 53,47% so cùng kỳ năm trước. Chủ yếu là do chi phí vận chuyển bốc vác nguyên liệu tăng 5.790 triệu đồng tương ứng với sản lượng tăng và cung đường vận chuyển giao hàng tương ứng theo hợp đồng mua bán nguyên liệu thuốc lá và chi phí thuê kho phục vụ chứa nguyên liệu thành phẩm tăng 5.155 triệu đồng do sản lượng gia công tách cọng và gia công chế biến sợi tăng so cùng kỳ năm trước.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp 72,8 tỷ đồng, tăng 16,3 tỷ đồng, bằng 129% so CKNT. Trong đó, tăng chủ yếu ở một số khoản chi:

Tiền lương và các khoản bảo hiểm trích theo lương tăng 5,494 tỷ đồng so năm 2018;

Chi phí khấu hao, sửa chữa TSCĐ tăng 1,1 tỷ đồng (nguyên nhân do năm 2019 thực hiện phân bổ chi phí sửa chữa văn phòng từ năm 2018 và cải tạo cảnh quan môi trương làm việc Công ty năm 2019);

Chi phí khác tăng 5.54 tỷ đồng do chi tổ chức các đoàn học tập kinh nghiệm các nước phát triển, mong muốn cải thiện tăng cường phát triển thị trường tiêu thụ thị trường;

Chi phí tiếp khách, hội nghị tăng 2,4 tỷ đồng.

Chi phí xử lý số dư nợ phải thu tiền thuế nhập khẩu SXXK liên quan lô hàng vụ cháy năm 2015: 1,063 tỷ.

- Lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 18,5 tỷ đồng tăng 2,5 tỷ đồng tương đương tăng 15,5% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu nhập bình quân đạt 11,2 tr.đ/ng/tháng, bằng 128,7% so kế hoạch năm 2019 và bằng 136,6% so CKNT.

- Khả năng sinh lời trên vốn chủ sở hữu đạt 8,18% tăng tăng 1,15% so cùng kỳ năm trước.

2. Tình hình tài chính của Công ty

- Công tác tài chính kế toán: Công ty đã tổ chức công tác kế toán có hệ thống từ Văn phòng Công ty đến các đơn vi trực thuộc. Sổ sách kế toán được ghi chép rõ ràng, tuân thủ theo đúng Luật và phù hợp chế độ kế toán hiện hành. Qua công tác kiểm soát, Ban Kiểm soát đánh giá tình hình tài chính của Công ty là lành mạnh, các số liệu trên Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty. Hồ sơ tài liệu của Công ty được luân chuyển và lưu trữ cẩn thận đảm bảo tính hợp pháp và hợp lệ.

2.1. Một số các chỉ tiêu tài chính năm 2019 của Công ty

STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	So sánh năm nay/ năm trước	
					(+/-)	%
1	**Vốn đầu tư của chủ sở hữu**	Tr. đồng	**112,020**	**112,020**	-	-
2	**Tổng doanh thu**	Tr. đồng	**616,832**	**1,018,048**	401,216	65.04
3	**Hàng tồn kho**	Tr. đồng	**155,162**	**130,075**	(25,087)	(16.17)
4	**Lợi nhuận trước thuế**	Tr. đồng	**16,053**	**18,549**	2,496	15.55
5	**Lợi nhuận sau thuế**	Tr. đồng	**12,528**	**14,760**	2,232	17.82
6	**Tính tự chủ về tài chính**					
-	Tổng nợ / Vốn chủ sở hữu	lần	1.28	1.97	0.69	54.08
-	Tổng tài sản / Vốn chủ sở hữu	lần	2.28	2.97	0.69	30.32
-	Tổng nợ / Tổng tài sản	lần	0.56	0.66	0.10	18.22
7	**Khả năng thanh toán**					
-	Hệ số thanh toán hiện tại	lần	1.27	1.20	(0.07)	(5.27)
-	Hệ số thanh toán nhanh	lần	0.39	0.97	0.58	148.00
8	**Khả năng sinh lời & tính hiệu quả của việc sử dụng các nguồn vốn**					
-	Lợi nhuận ST / Doanh thu thuần	%	2.05	1.45	(0.59)	(29.03)
-	Khả năng sinh lời của Tài sản (ROA)	%	3.09	2.76	(0.33)	(10.78)
-	Khả năng sinh lời của VCSH (ROE)	%	7.03	8.18	1.15	16.28
-	Khả năng sinh lời của Vốn điều lệ	%	11.18	13.18	1.99	17.82

STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	So sánh năm nay/ năm trước	
					(+/-)	%
9	**Hiệu quả hoạt động**					
-	Vòng quay của tài sản	lần	1.42	2.16	0.74	52.11
-	Số vòng quay khoản phải thu	lần	5.21	6.29	1.07	20.55
-	Số ngày thu hồi nợ	ngày	70.01	58.07	(11.94)	(17.05)
-	Số vòng quay vốn lưu động	lần	2.09	3.10	1.00	47.96
-	Vòng quay của HTK	lần	0.87	6.13	5.25	600.69
10	**Hệ số bảo toàn vốn**	**lần**	**1.008**	**1.005**		-

2.2. Phân tích một số chỉ tiêu tài chính

- Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu là 1,97 lần, tăng 0,54 lần so với cùng kỳ năm 2018 chủ yếu do số dư vay vốn tăng. Mặc dù chỉ tiêu này vẫn nằm trong phạm vi cho phép theo quy định (< 3 lần), nhưng dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh và đầu tư đều âm (trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ) cho thấy Công ty phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn vay và vốn chiếm dụng, khả năng tự chủ về tài chính của Công ty còn gặp khó khăn.

- Hệ số khả năng thanh toán hiện thời là 1,2 lần >1 cho thấy Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Hệ số thanh toán nhanh là 0,97 lần có cải thiện so với cùng kỳ năm trước.

- Số vòng quay vốn lưu động là 3,1 lần, tăng 1,0 lần so với cùng kỳ năm 2018; vòng quay hàng tồn kho là 6,13 lần, tăng 5,25 lần so với CKNT cho thấy hiệu quả sử dụng vốn của Công ty, đặc biệt là vốn lưu động tốt hơn so với CKNT. Việc này là do doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty có tăng trưởng cao.

- Vòng quay khoản phải thu là 6,29 lần tăng 1,07 lần so với CKNT; theo đó số ngày thu hồi nợ phải thu là 58 ngày, giảm 12 ngày so với CKNT, cho thấy Công ty kiểm soát, thu hồi công nợ tốt hơn.

- Hệ số bảo toàn vốn là 1 lần (tính trên các chỉ tiêu Vốn góp của CSH, Quỹ đầu tư phát triển, Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tại thời điểm 31/12/2019), cho thấy Công ty đã bảo toàn được vốn chủ sở hữu.

2.3. Đánh giá: Các chỉ tiêu tài chính nêu trên cho thấy năm 2019, Công ty Cổ phần Ngân Sơn đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh và bảo toàn và phát triển vốn, vốn, tuy nhiên hoạt động của Công ty phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn vay và vốn chiếm dụng, do đó khả năng tự chủ về tài chính của Công ty vẫn còn gặp khó khăn.

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị đã thực hiện việc phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên cùng với việc ra quy chế làm việc của HĐQT cũng như quy chế phối hợp giữa HĐQT, Giám đốc và các tổ chức chính trị xã hội đã giúp cho việc hỗ trợ của các thành viên HĐQT với Ban điều hành được kịp thời.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp thường kỳ, bất thường theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp. Các phiên họp của Hội đồng quản trị đều ban hành thành Nghị quyết để đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh kỳ trước, thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh kỳ sau và giao Ban điều hành tổ chức thực hiện, đồng thời triển khai nhiều vấn đề quan trọng khác mang lại hiệu quả trong sản xuất kinh doanh cho Công ty và bảo toàn vốn của cổ đông.

4. Hoạt động của Ban Giám đốc

Năm 2019, Ban Giám đốc đã có nhiều giải pháp linh hoạt trong công tác điều hành mọi mặt hoạt động của Công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông cũng như của HĐQT ban hành. Với các chỉ tiêu đạt được (như đã nêu), Ban kiểm soát đánh giá Ban điều hành đã hoàn thành nhiệm vụ trong năm tài chính 2019, nổi bật là:

- Chỉ đạo công tác thu mua nguyên liệu thuốc lá trên cơ sở yêu cầu về chất lượng của khách hàng, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thu mua để nâng cao hiệu quả thu mua nguyên liệu giảm thiểu tối đa lượng hàng tồn kho;

- Hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng ổn định, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực, các dự án đầu tư được triển khai đúng quy định, đạt tiến độ và đem lại hiệu quả.

- Đã hoàn thành tái cấu trúc, sắp xếp bộ máy tinh gọn, giảm bớt khâu trung gian.

- Lợi nhuận vượt kế hoạch ĐHCĐ đã thông qua.

- Giữ vững sản xuất, đảm bảo, cải thiện thu nhập cho người lao động *(Thu nhập bình quân đạt 11,2 tr.đ/ng/tháng, bằng 128,7% so kế hoạch năm 2019 và bằng 136,6% so CKNT).*

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định, chính sách điều hành minh bạch có sự phân công, phân cấp rõ ràng trong bộ máy; quan tâm và thực hiện trách nhiệm với cộng đồng.

5. Kết luận và kiến nghị

5.1. Kết luận

Các hoạt động của Công ty trong năm 2019 tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định liên quan; đảm bảo thực hiện đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của HĐQT. Hoạt động công bố thông tin của Công ty cũng tuân thủ theo các quy định liên quan áp dụng cho doanh nghiệp niêm yết.

5.2 Kiến nghị

Trong năm 2020, Ban Kiểm Soát kiến nghị Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc như sau:

- Chiến lược ổn định và phát triển Công ty đến năm 2025, tầm nhiền đến năm 2030 đã được Hội đồng quản trị thông qua do đó đề nghị Công ty triển khai các bước cụ thể để các mục tiêu của Công ty đạt được những thông số mà chiến lược đề ra.

- Hoàn thiện, nâng cao tính hiệu lực và áp dụng nghiêm các biện pháp chế tài trong thực hiện các quy định, nội quy, quy chế hoạt động của Công ty;

- Hoạch định và có chính sách để bổ sung và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Tăng cường công tác dự báo để hạn chế rủi ro trong các hoạt động kinh doanh.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Thực hiện giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty.

- Thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty.

- Tăng cường kiểm soát các lĩnh vực hoạt động chính của Công ty theo từng chuyên đề.

- Tham gia các lớp tập huấn để nâng cao trình độ trình độ cho các thành viên trong Ban Kiểm soát.

PHẦN VI. BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC MÔI TRƯỜNG NĂM 2019

I. THỰC HIỆN CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN VỀ MÔI TRƯỜNG

Năm 2019, với vai trò đầu mối, Tổ môi trường thường xuyên cập nhật thông tin và phổ biến cho các bộ phận cùng triển khai thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường như các văn bản pháp luật, tổ chức các hoạt động hưởng ứng chiến dịch Giờ Trái đất năm 2019 vào tháng 3 năm 2019.

II. KIỂM SOÁT, NGĂN NGỪA Ô NHIỄM VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Công tác xử lý nước thải

- Thường xuyên kiểm tra các bể xử lý và xả thải, phối hợp với Trung tâm quan trắc Môi trường của Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Bắc Ninh thực hiện lấy mẫu, quan trắc định kỳ theo quy định.

- Thực hiện tát và nạo vét bể nước thải, dự kiến vào tháng 5/2019: Trong năm 2019, Tổ Môi trường đã kiểm tra lượng bùn lắng trong bể và lượng bùn lắng còn ít nên chưa tiến hành thực hiện thuê đơn vị xử lý nạo vét bể lắng. Dự kiến công việc này sẽ chuyển sang năm 2020 thực hiện.

2. Công tác xử lý khí thải

- Lượng bụi và khí thải phát sinh là không đáng kể. Do khí thải được xử lý qua hai bước: xử lý thô và dập bụi ướt. Vì vậy, khói thải ra ngoài môi trường là khói trắng, không ảnh hưởng tới môi trường.

- Phối hợp với Trung tâm quan trắc Môi trường của Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Bắc Ninh thực hiện lấy mẫu, quan trắc định kỳ theo quy định và đảm bảo kiểm soát tốt công tác xử lý khí thải.

3. Công tác xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại: Nguồn thải dự kiến, biện pháp xử lý

- Chất thải rắn thông thường là chất thải trong quá trình sinh hoạt và sản xuất (chủ yếu là chất thải trong quá trình sản xuất). Được thu gom tại khu vực chứa chất thải rắn và vận chuyển xử lý bởi các đơn vị có chức năng. Lượng chất thải rắn chuyển giao xử lý trong năm 2019 là 2.480 M3 và 2.431 tấn.

- Chất thải nguy hại có kho chứa riêng. Mỗi loại chất thải được đựng trong thùng khác nhau và có gắn mã hiệu tương ứng theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và được vận chuyển và xử lý bởi đơn vị có chức năng. Năm 2019, Công ty ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Thuận Thành và thực hiện xử lý 786 kg chất thải nguy hại.

4. Công tác giám sát, quan trắc môi trường định kỳ

Thực hiện giám sát, quan trắc môi trường định kỳ theo yêu cầu trong báo cáo đã được phê duyệt. Dự kiến, Công ty ký hợp đồng và thuê đơn vị có chức năng thực hiện là Trung tâm Quan trắc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh. Thực hiện giám sát, quan trắc môi trường định kỳ theo yêu cầu trong báo cáo đã được phê duyệt.

5. Tham gia các công tác bảo vệ môi trường do Khu Công nghiệp hay địa phương phát động

- Tháng 6/2019, Công ty đăng ký và cử 02 cán bộ tham gia lớp tập huấn về công tác bảo vệ môi trường do Chi Cục bảo vệ môi trường- Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Bắc Ninh phối hợp với Ban quản lý KCN Tiên Sơn tổ chức tại KCN Tiên Sơn;

- Tháng 9/2019, Công ty cử 02 cán bộ tham giá lớp tập huấn về pháp luật Bảo vệ môi trường do Phòng cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường- Công an tỉnh Bắc Ninh phối hợp với Ban quản lý KCN Tiên Sơn tổ chức tại KCN Tiên Sơn.

6. Trong 2019, Công ty phối hợp tốt với đối tác và các cơ quan quản lý Nhà nước thực hiện đầy đủ các quy định về pháp luật bảo vệ môi trường: Hiện nay, dây chuyền chế biến sợi đã chính thức đi vào hoạt động và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với hoạt động chế biến sợi luôn được chú trọng, kiểm soát đảm bảo thực hiện theo đúng ĐTM đã được phê duyệt. Ngoài ra, trong thời gian tới dự án sản xuất chiết suất cao Nicotine của đối tác thuê mặt bằng tại Công ty thực hiện sản xuất, Công ty phối hợp với đối tác thực hiện đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

7. Thực hiện đánh giá hiệu lực vào tháng 5/2019 để tiếp tục được cấp chứng nhận phù hợp về quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015.

Nhìn chung công tác bảo vệ môi trường Công ty triển khai thực hiện trong năm 2019 đạt được yêu cầu chung và kế hoạch Công ty đề ra. Năm 2019, sản lượng sản xuất Công ty thực hiện tăng hơn so với năm 2018, tăng 71% so CKNT. Công tác kiểm soát và duy trì các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Công ty vẫn được kiểm soát chặt chẽ và thực hiện đầy đủ các quy định của Công ty cũng như các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
Năm 2019, Công ty Cổ phần Ngân Sơn đạt sản lượng 23.765 tấn thành phẩm lá tách cọng và sợi thuốc lá. Trong đó, lượng điện và nước sử dụng trong năm 2019 lần lượt là 4.952.199 kWh và 49.960 m^3.

Về công tác bảo vệ môi trường:

Công ty đã có Cam kết bảo vệ Môi trường, và thực hiện Báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung Dự án dây chuyền chế biến công suất 5000kg/h (24.000 tấn/năm). Được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh phê duyệt theo Quyết định số 102/QĐ-TNMT ngày 27/6/2008. Từ tháng 5/2017, Công ty thực hiện theo Quyết định số 239/QĐ-STNMT về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất sơ chế tách cọng nguyên liệu thuốc lá, chế biến sợi thuốc lá và chiết suất cao Nicotine.

Thực hiện Quyết định số 239/QĐ-STNMT về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất sơ chế tách cọng nguyên liệu thuốc lá, chế biến sợi thuốc lá và chiết suất cao Nicotine, Công ty thực hiện giám sát, quan trắc môi trường theo báo cáo được phê duyệt. Lần thứ nhất vào tháng 3/2019; lần thứ hai vào tháng 6/2019; Lần thứ ba vào tháng 9/2019; Lần thứ tư vào tháng 12/2019. Kết quả: các chỉ tiêu môi trường đều nằm trong giới hạn cho phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh.

- Lượng nước thải được xử lý là 39.968 m^3 (tỷ lệ được xử lý: 80%)
- Lượng chất thải rắn thông thường được vận chuyển và xử lý: 2.480 m^3 và 2.431 tấn;
- Lượng chất thải nguy hại phát sinh: + 191 kg bóng đèn huỳnh quang cháy
  + 119 kg giẻ lau dính dầu.
  + 476 kg dầu thải

Nhận thức đúng đắn về công tác bảo vệ môi trường, Công ty luôn tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 14001:2015, phạm vi: sản xuất, sơ chế và cung ứng Nguyên liệu thuốc lá. Số giấy chứng nhận: EMS 2016.0147.

PHẦN VII. CHƯƠNG TRÌNH TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI NĂM 2019

Trên chặng đường 26 năm hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần Ngân Sơn đã có 17 năm thực hiện Chương trình sản xuất thuốc lá bền vững *(gọi tắt là Chương trình STP), bắt đầu từ 2002 và chính thức tham gia chương trình từ năm 2009 do tập đoàn BAT toàn cầu xây dựng và áp dụng cho toàn bộ hệ thống và các nhà cung ứng cho tập đoàn).* Việc thực hiện Chương trình STP góp phần quảng bá hình ảnh Công ty trong ngành thuốc lá nói chung và lĩnh vực sản xuất nguyên liệu nói riêng

Mặt khác, khi tổ chức thực hiện Chương trình STP Công ty còn có lợi ích dài hạn như: Cải thiện quan hệ trong công việc, giảm chi phí, tăng năng suất lao động; tăng doanh thu; tăng giá trị và thương hiệu, tạo ra ưu thế trong cạnh tranh và thêm cơ hội tiếp cận những thị trường mới, nhất là các công ty, tập đoàn nước ngoài.

Chương trình STP được Công ty từng bước triển khai thực hiện và được Công ty Liên doanh Thuốc lá BAT-Vinataba đánh giá tốt qua các năm thực hiện.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc thực hiện Chương trình STP đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trong năm 2019 Ban Chỉ đạo STP tiếp tục có những chỉ đạo sát sao trong công tác triển khai thực hiện tại các chi nhánh nguyên liệu trực thuộc. Nhìn chung, Công ty đã thực hiện đạt kế hoạch đề ra *(quy hoạch diện tích trồng; ký hợp đồng; cấp vật tư nông nghiệp; tập huấn chuyển giao KHKT; giám sát nông dân; hướng dẫn nông dân chuyển đổi sang mô hình lò sấy tiết kiệm nhiên liệu sấy...).*

Kết quả thực hiện Chương trình STP năm 2019 đạt 100% các yêu cầu đề ra và được Công ty Liên doanh Thuốc lá BAT-Vinataba đánh giá là một trong các nhà cung ứng nguyên liệu triển khai thực hiện hàng đầu Chương trình STP năm 2019.

Một số điểm nổi bật trong năm 2019 đã đạt được như sau:

- Tổ chức thực hiện đảm bảo theo kế hoạch hành động tại 4 phần (QUẢN TRỊ, NÔNG NGHIỆP, MÔI TRƯỜNG, CON NGƯỜI).

- Tiến hành đánh giá, phân tích mẫu đất, mẫu nước theo định kỳ. Các kết quả kiểm tra cho thấy đất và nguồn nước tưới thuốc lá tại các vùng trồng Công ty đầu tư, quản lý đều đảm bảo các quy định cho phép.

- Tập trung triển khai thực hiện Chương trình xây mới và cải tạo lò sấy theo nguyên lý thoát ẩm qua đường ống khói tại các vùng nguyên liệu *(tỉnh Bắc Kạn, tỉnh Lạng Sơn và Thái Nguyên)* đạt 276 lò. Việc chuyển đổi hệ thống là sấy theo nguyên lý thoát ẩm qua đường ống khói đã góp phần giảm tác động tiêu cực đến môi trường *(tiết kiệm nhiên liệu sấy)*; nâng cao chất lượng sản phẩm, hiệu quả thu nhập cho người nông dân, ổn định và phát triển vùng nguyên liệu bền vững, Chương trình được chính quyền địa phương và người nông dân các vùng nguyên liệu ghi nhận, đánh giá cao.

- Tập trung tập huấn nông dân sử dụng các biện pháp canh tác thân thiện với môi trường; quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) hạn chế tối đa việc sử dụng thuốc BVTV. Việc kiểm soát sử dụng thuốc BVTV trong sản xuất thuốc lá được thực hiện tốt. Không để xảy ra vấn đề dư lượng tồn dư trong sản phẩm; các biện pháp thời vụ, sử dụng giống, bón phân hợp lý, các giải pháp tiết kiệm nhiên liệu sấy.

- Thực hiện trách nhiệm với cộng đồng xã hội thông qua việc hỗ trợ các quỹ giúp đỡ trẻ em có hoàn cảnh gia đình khó khăn, quỹ khuyến học, trẻ em nghèo vượt khó, quỹ người nghèo, ủng hộ đồng bào bão lụt…

- Thực hiện các buổi tri ân nông dân nhằm mục đích tạo sự gắn kết giữa người nông dân và doanh nghiệp.

- Phối hợp với đoàn đại biểu quốc hội và đoàn đại biểu quốc hội tỉnh Lạng Sơn thực hiện trao quà giúp đỡ các hộ nông dân có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn với tổng giá trị 100.000.000 đồng.

PHẦN VIII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

Theo phụ lục đính kèm với báo cáo.

II. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán An Việt

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà 167, Phố Bùi Thị Xuân, Hà Nội

***Ý kiến của Kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nơi nhận:
- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- TV HĐQT;
- TV BKS;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT, TBCK;

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100100190 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN NGÂN SƠN H. TIÊN DU - T. BẮC NINH

Nguyễn Nam Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Đính kèm với Báo cáo số 154/BC-NST ngày 17 tháng 03 năm 2020 của Công ty Cổ phần Ngân Sơn)

MẪU SỐ B01 - DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**395,525,062,541**	**260,226,166,864**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**2,309,935,539**	**2,928,878,802**
1. Tiền	111		2,309,935,539	2,928,878,802
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**246,083,875,487**	**77,080,328,325**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	239,422,182,014	74,739,122,982
2. Trả trước cho người bán	132		5,706,870,238	832,684,200
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	954,823,235	1,508,521,143
III. Hàng tồn kho	**140**	**8**	**130,074,646,435**	**155,161,789,176**
1. Hàng tồn kho	141		130,074,646,435	155,161,789,176
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**17,056,605,080**	**25,055,170,561**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	2,164,659,301	2,136,857,820
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		14,891,945,779	22,918,312,741
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**139,946,054,366**	**145,286,654,284**
I. Tài sản cố định	**220**		**99,797,847,651**	**113,166,766,022**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	99,132,110,392	112,477,098,575
- Nguyên giá	*222*		*287,171,399,456*	*276,164,218,101*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(188,039,289,064)*	*(163,687,119,526)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	665,737,259	689,667,447
- Nguyên giá	*228*		*1,104,178,500*	*1,104,178,500*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(438,441,241)*	*(414,511,053)*
II. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**4,676,083,832**	**136,363,636**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	4,676,083,832	136,363,636
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**6,750,000,000**	**6,750,000,000**
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	13	6,750,000,000	6,750,000,000
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		**28,722,122,883**	**25,233,524,626**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	28,722,122,883	25,233,524,626
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**535,471,116,907**	**405,512,821,148**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Đính kèm với Báo cáo số 154/BC-NST ngày 17 tháng 03 năm 2020 của Công ty Cổ phần Ngân Sơn)

MẪU SỐ B01 - DN

Đơn vị tính: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**355,006,384,307**	**227,402,734,526**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**328,943,743,109**	**205,017,812,146**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	13,805,494,764	31,247,029,332
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	13,279,559,626	4,561,373,616
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	2,696,950,685	2,774,460,351
4.	Phải trả người lao động	314		17,846,010,121	8,676,782,481
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	9,526,518,994	7,658,064,935
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319	18	16,605,337,636	10,474,523,447
7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	252,830,227,387	136,321,534,832
8.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		416,022,000	1,647,704,000
9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1,937,621,896	1,656,339,152
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**26,062,641,198**	**22,384,922,380**
1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	26,062,641,198	22,384,922,380
D.	**NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**180,464,732,600**	**178,110,086,622**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**20**	**180,464,732,600**	**178,110,086,622**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		112,020,030,000	112,020,030,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		16,351,574,000	16,351,574,000
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418		33,546,853,039	32,861,895,148
4.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		3,961,610,970	3,961,610,970
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		14,584,664,591	12,914,976,504
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		*(175,584,087)*	*386,707,739*
	- LNST chưa phân phối năm nay	421b		*14,760,248,678*	*12,528,268,765*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		**430**		**535,471,116,907**	**405,512,821,148**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019

(Đính kèm với Báo cáo số 154/BC-NST ngày 17 tháng 03 năm 2020 của Công ty Cổ phần Ngân Sơn)

MẪU SỐ B02 - DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch	**01**	**22**	**1,015,623,037,282**	**611,796,231,355**
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**1,015,623,037,282**	**611,796,231,355**
4. Giá vốn hàng bán	11	23	874,223,403,227	508,276,439,963
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20		141,399,634,055	103,519,791,392
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	2,070,171,665	4,612,462,738
7. Chi phí tài chính	22	25	19,272,466,813	14,086,588,743
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*19,134,211,287*	*13,255,759,142*
8. Chi phí bán hàng	24	26	33,008,774,438	21,508,336,158
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	27	72,885,672,803	56,506,747,821
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**18,302,891,666**	**16,030,581,408**
11. Thu nhập khác	31	29	354,958,780	423,378,910
12. Chi phí khác	32	29	108,014,599	400,339,724
13. Lợi nhuận khác	**40**	**29**	**246,944,181**	**23,039,186**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**18,549,835,847**	**16,053,620,594**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	**30**	3,789,587,169	3,525,351,829
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**14,760,248,678**	**12,528,268,765**
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**31**	**1,318**	**1,118**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NĂM 2019

(Đính kèm với Báo cáo số 154/BC-NST ngày 17 tháng 03 năm 2020 của Công ty Cổ phần Ngân Sơn)

MẪU SỐ B03 - DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***18.549.835.847***	***16.053.620.594***
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	25.611.578.946	23.789.975.980
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(144.606.790)	510.239.763
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(202.673.382)	(124.636.405)
- Chi phí lãi vay	06	19.134.211.287	13.255.759.142
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***62.948.345.908***	***53.484.959.074***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(157.127.472.961)	69.578.999.376
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	25.087.142.741	(19.820.598.347)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	7.570.758.992	(55.559.756.109)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(3.516.399.738)	(1.168.359.766)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(17.031.623.463)	(11.971.156.030)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.204.875.663)	(1.850.006.651)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.056.517.256)	(1.193.762.690)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(88.330.641.440)***	***31.500.318.857***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(28.703.042.590)	(27.002.287.359)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	262.618.182	372.727.273
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	43.427.796	10.332.090
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(28.396.996.612)***	***(26.619.227.996)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	763.170.109.441	445.171.528.824
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(642.973.948.068)	(455.431.403.395)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.088.535.375)	(1.928.752.980)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***116.107.625.998***	***(12.188.627.551)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**(620.012.054)**	**(7.307.536.690)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**2.928.878.802**	**10.236.501.108**
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61	1.068.791	(85.616)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**2.309.935.539**	**2.928.878.802**